

**UBND TỈNH THANH HÓA**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình: **Quản trị khách sạn**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản trị khách sạn**

Mã ngành: **7810201**

**THANH HÓA, THÁNG 6/2023**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên chương trình: Quản trị khách sạn**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Quản trị khách sạn**

**Mã ngành: 7810201**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày tháng năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản trị khách sạn
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Hospitality Management
Mã ngành đào tạo:	7810201
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Quản trị khách sạn
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 128 tín chỉ;</li><li>- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;</li><li>- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất;</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 khung năng lực 6 bậc của Việt Nam);</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin (IC3 hoặc tương đương).</li></ul>

<p>Vị trí việc làm</p>	<p><i>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Đại Quản trị khách sạn có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản lý tại các cơ sở kinh doanh lưu trú: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám đốc điều hành tại các cơ sở kinh doanh lưu trú</li> <li>- Giám sát viên, quản lý, giám đốc các bộ phận tại các cơ sở kinh doanh lưu trú.</li> </ul> </li> <li>2. Chuyên viên, nghiên cứu viên tại các tổ chức nghiên cứu và quản lý nhà nước về kinh tế, du lịch.</li> <li>3. Giảng viên, trợ giảng, tư vấn tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề du lịch.</li> <li>4. Nhân viên tại các tổ chức, doanh nghiệp du lịch khác.</li> </ol>
<p>Học tập nâng cao trình độ:</p>	<p>Người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước các ngành và chuyên ngành gần.</p>
<p>Chương trình tham khảo</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn, trường ĐH KHXH&amp;NV, Đại học Quốc gia Hà Nội (<a href="https://ussh.vnu.edu.vn/vi/dao-tao/nganh-quan-tri-khach-san/">https://ussh.vnu.edu.vn/vi/dao-tao/nganh-quan-tri-khach-san/</a>)</li> <li>- Chương trình đào tạo Quả trị khách sạn, Đại học Kinh tế Quốc dân (<a href="https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/9.%20Ng%C3%A0nh%20Qu%E1%BA%A3n%20tr%E1%BB%8B%20kh%C3%A1ch%20s%E1%BA%A1n_CT%C4%90T%202021.pdf">https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/9.%20Ng%C3%A0nh%20Qu%E1%BA%A3n%20tr%E1%BB%8B%20kh%C3%A1ch%20s%E1%BA%A1n_CT%C4%90T%202021.pdf</a>)</li> <li>- Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn, trường Đại học Thương mại (<a href="https://tmu.edu.vn/tin-tuc/gioi-thieu-nganh-quan-tri-khach-san-he-dac-thu-16542">https://tmu.edu.vn/tin-tuc/gioi-thieu-nganh-quan-tri-khach-san-he-dac-thu-16542</a>)</li> <li>- Chương trình Cử nhân Quản lý khách sạn quốc tế (Bachelor of International Hospitality Management), Trường Đại học Công nghệ Auckland (Newzealand) (<a href="http://www.aut.ac.nz/">http://www.aut.ac.nz/</a>)</li> </ul>

## II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân QTKS có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn; có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức cơ bản về quản lý và kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị kinh doanh khách sạn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo như: khả năng hoạch định, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả kinh doanh khách sạn phù hợp với thực tiễn trong điều kiện môi trường biến động; thành thạo và phát triển năng lực thực hiện các nghiệp vụ và quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp khách sạn.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức:

**PO1:** Có kiến thức về lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

**PO2:** Cử nhân QTKS có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số.

**PO3:** Có đầy đủ kiến thức chuyên môn về quản trị và quản trị khách sạn, từ đó vận dụng thành thạo trong phân tích, đánh giá và quản trị được các vấn đề thực tiễn trong các tổ chức, doanh nghiệp, khách sạn trong và ngoài nước với vai trò là chuyên viên, quản trị viên.

##### 1.2.2. Về kỹ năng:

**PO4:** Cử nhân QTKS thành thạo trong xây dựng chiến lược, vận hành và kiểm soát hoạt động của khách sạn.

**PO5:** Có đầy đủ kỹ năng mềm, thành thạo kỹ năng về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu quản trị kinh doanh khách sạn.

**PO6:** Cử nhân QTKS được trang bị các kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có khả năng giao tiếp được bằng Tiếng Anh và đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh phục vụ học tập và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn.

##### 1.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:

**PO7:** Có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ để khởi sự kinh doanh theo tư duy đổi mới sáng tạo. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có trách nhiệm với xã hội.

### 2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

### **2.1. Về kiến thức:**

**PLO1:** Vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

**PLO2:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp.

**PLO3:** Vận dụng được kiến thức về quản trị vào phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản trị, điều hành tổ chức, doanh nghiệp và các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú.

**PLO4:** Vận dụng được kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản trị như quản trị học, quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị chiến lược, quản trị nhân sự, quản trị tác nghiệp, quản trị marketing, quản trị kinh doanh khách sạn vào phân tích, đánh giá, tổng hợp các vấn đề thực tiễn quản trị điều hành tổ chức, doanh nghiệp, khách sạn và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú.

**PLO5:** Vận dụng được kiến thức về kinh tế, tài chính, marketing, marketing kỹ thuật số, thương mại điện tử, hành vi người tiêu dùng, kế toán, thuế, và thị trường chứng khoán phục vụ cho quá trình điều hành doanh nghiệp, khách sạn.

**PLO6:** Hoạch định được mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, phối hợp tổ chức các nguồn lực và kiểm soát được các hoạt động trong quá trình quản trị doanh nghiệp, khách sạn.

**PLO7:** Vận dụng được các kiến thức chuyên môn để thiết kế, điều hành, phát triển các sản phẩm du lịch và khởi nghiệp kinh doanh du lịch; Tổ chức được các sự kiện văn hóa - du lịch, ẩm thực truyền thống và quản trị được chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

### **2.2. Về kỹ năng:**

**PLO8:** Đạt được trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; sử dụng được các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn để giao tiếp và tương tác một cách hiệu quả với khách hàng trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn.

**PLO9:** Sử dụng được các phần mềm thông dụng; sử dụng thành thạo một số hệ thống thông tin quản lý và công cụ hỗ trợ phục vụ môi trường công việc; ứng xử và hợp tác phù hợp trong môi trường số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để vận dụng phù hợp, linh hoạt, sáng tạo với chuyên môn được đào tạo.

**PLO10:** Tự tin giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học, kỹ năng quản lý, phản biện; có năng lực lập kế hoạch, điều phối

để có thể giải quyết hiệu quả các vấn đề trong quá trình quản trị điều hành khách sạn.

### **2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

**PLO11:** Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng. Có năng lực tự học tập, nghiên cứu và học tập suốt đời nâng cao trình độ kỹ năng chuyên môn, phù hợp nhiệm vụ công việc.

**PLO12:** Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng.

## **III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>39</b>
7.1.1. Lý luận chính trị	13
7.1.2. Quản lý, Khoa học xã hội	16
- <i>Bắt buộc</i>	10
- <i>Tự chọn</i>	6
7.1.3. Ngoại ngữ	10
7.1.4. Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)	
7.1.5. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>89</b>
7.2.1. Kiến thức cơ sở	<b>16</b>
- <i>Bắt buộc</i>	14
- <i>Tự chọn</i>	2
7.2.2. Kiến thức ngành	<b>51</b>
- <i>Bắt buộc</i>	40
- <i>Tự chọn</i>	11
7.2.3. Kiến thức bổ trợ	11
- <i>Bắt buộc</i>	6
- <i>Tự chọn</i>	5
7.2.3. Thực tập tốt nghiệp	<b>5</b>
7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp	<b>6</b>
<b>Tổng</b>	<b>128</b>

#### IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
<b>A</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GDĐC</b>		<b>39</b>							
<b>I</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>13</b>							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135	1	LL Mác-Lênin	
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-LN	2	21	18		90	2	1	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa XH khoa học	2	21	18		90	3	2	LL Mác-Lênin
4	198030	Lịch sử Đảng CS VN	2	21	18		90	4	3	LSD-TT HCM
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	4	3	LSD-TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	3		Luật
<b>II</b>	<b>Quản lý, Khoa học xã hội, công nghệ</b>		<b>16</b>							
7	156012	Phương pháp NCKH chuyên ngành kinh tế và QTKD	2	18	24		90	5		Kinh tế
8	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135	6		QTKD
9	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	24	0	90	1		VNH-DL
10	172555	Công nghệ số	3	10		40	90	1		MMT&UD
11-12	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>		4							
a	181145	Tâm lý trong quản lý KD	2	18	24		90	2		Tâm lí
b	118001	Môi trường và con người	2	18	24		90	2		Sinh học
c	123240	Xã hội học đại cương	2	18	24		90	2		XHH
13	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	18	24		90	1		Địa lý
b	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	18	24		90	1		Kinh tế
<b>III</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>10</b>							
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1		Ngoại ngữ KC
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	2	14	Ngoại ngữ KC
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	3	15	Ngoại ngữ KC
<b>V</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>									
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90	1		Bóng -ĐK
	Giáo dục thể chất 2 ( <i>chọn 1/5HP</i> )		2					2		Bóng -ĐK
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90			Bóng -ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90			Bóng -ĐK
c	191033	Bóng đá	2			30	90			Bóng -ĐK
d	191034	Bóng rổ	2			30	90			Bóng -ĐK

e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90			Bóng -ĐK
<b>VI</b>	<b>Giáo dục quốc phòng (tiết)</b>		165							GDQP
<b>B</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GDCN</b>		<b>89</b>							
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>		<b>17</b>							
17	127099	Tổng quan du lịch	3	27	27	9	135	1		VNH-DL
18	127030	Phát triển du lịch bền vững	2	18	18	6	90	2		VNH-DL
19	151050	Kinh tế vi mô	3	27	36	0	135	2	2	Kinh tế
20	151061	Kinh tế vĩ mô	3	27	36	0	135	3	19	Kinh tế
21	154090	Quản trị học	3	27	27	9	135	3		BM. QTKD
22	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	127085	Pháp luật về du lịch	3	27	36	0	135	7		VNH-DL
b	127086	QL nhà nước về du lịch	3	27	36	0	135	7		VNH-DL
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>50</b>							
23	153105	Nguyên lý kế toán	3	27	27	9	135	3		BM KTQT
24	127080	Quản trị lễ tân khách sạn	3	27	18	18	135	4		VNH-DL
25	127081	Quản trị buồng khách sạn	3	27	18	18	135	5		VNH-DL
26	127082	Quản trị nhà hàng	3	27	18	18	135	5		VNH-DL
27	127064	Văn hoá ẩm thực VN	3	15	0	60	135	2	9	VNH - DL
28	127058	Nghệ thuật giao tiếp trong du lịch	3	15	0	60	135	5		VNH-DL
29	127083	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	3	0	0	90	0	6	24-26	VNH-DL
30	133054	Tiếng Anh chuyên ngành	3	27	0	36	135	6		VNH-DL
31	154114	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	27	27	9	135	4	21	BM. QTKD
32	154065	Quản trị chiến lược	3	27	27	9	135	7		BM. QTKD
33	152007	Quản trị tài chính DN1	3	27	36		135	6		BM TCNH
34	154105	Quản trị nhân lực	3	27	30	6	135	6	21	BM. QTKD
35	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	127100	Marketing du lịch	2	15	0	30	90	5		VNH-DL
b	254026	Marketing căn bản	2	18	18	6	90	5	19	BM. QTKD
36	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3	27	27	9	135			
a	154048	Quản trị thương hiệu	3	27	27	9	135	6	21	BM. QTKD
b	154055	Quản trị Marketing	3	27	27	9	135	6		BM. QTKD
37	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		3							
a	127017	Kinh doanh du lịch trực tuyến	3	27	30	6	135	7		VNH-DL
b	154113	Quản trị DN thương mại	3	27	30	6	135	7		BM. QTKD
c	154072	Thương mại điện tử	3	27	30	6	135	7		BM. QTKD
38	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	254051	Quản trị doanh nghiệp	3	27	26	10	135	4	21	BM. QTKD
b	154049	Quản trị tác nghiệp	3	27	26	10	135	4	21	BM. QTKD
39	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	121053	Văn hoá du lịch	3	27	26	10	135	4		VNH-DL
b	127076	Văn hoá doanh nghiệp du lịch	3	27	26	10	135	4		VNH-DL
<b>III</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>11</b>							
40	153085	Kế toán tài chính 1	3	27	30	6	135	5	23	BM KTTC
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							



a	127051	Nghiệp vụ chế biến SPAU	3	15	0	60	135	7		VNH – DL
b	127042	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	3	15	0	60	135	7		VNH – DL
42		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	3							
a	127031	Thiết kế và điều hành tour	3	15	0	60	135	7		VNH – DL
b	125180	Tuyến và điểm du lịch Việt Nam	3	27	36	0	135	7		VNH – DL
43		<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>	2							
a	152055	Thuế	2	18	18	6	90	7		BM TCNH
b	153125	Thị trường chứng khoán	2	18	18	6	90	7		BM TCNH
<b>IV</b>	<b>Thực tập, KLTN/HP thay thế</b>		<b>11</b>							
44	123190	Thực tập TN	5	0	0	150	270	8		VNH – DL
		<i>Khoá luận TN/ học phần thay thế</i>	6							
	124101	Khoá luận TN	6					8		VNH – DL
45	127043	Tổ chức sự kiện & DL MICE	3	15	0	60	135	8		VNH-DL
46	154062	Quản trị chất lượng dịch vụ	3	27	30	6	135	8		BM QTKD
<b>Tổng</b>			<b>128</b>							

## V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

### 5.1. Đội ngũ giảng viên

#### 5.1.1. Đội ngũ giảng viên:

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	2	0	2
3	Tiến sỹ	1	8	9
4	Thạc sỹ	2	15	17

#### 5.2. Phòng học:

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

#### 5.3. Phòng thực hành nghiệp vụ du lịch

Từ năm học 2019, nhà trường đầu tư hệ thống phòng thực hành nghiệp vụ du lịch gồm Phòng nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ bar, và Phòng thực hành nghiệp vụ buồng với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ thực hành các nghiệp vụ, giao cho Khoa KHXH và bộ môn VNH-DL trực tiếp quản lý. Phòng thực hành gồm các loại thiết bị cụ thể sau:

*Thiết bị nghiệp vụ lễ tân:* Kẹp lưu hồ sơ, Giá để tờ rơi, tệp gấp, danh thiếp, Đồng hồ

*Thiết bị nghiệp vụ bar:* Muỗng khuấy, Ly định lượng inox – jigger, Dụng cụ khai rượu inox – wine opener, Ly mixing có vạch chia bằng nhựa, Bình lắc cocktail Shaker 350ml, Hộp đựng nguyên liệu trang trí 6 ngăn, Thảm lót cao su – rubber bar mat, Hộp đựng khăn ăn, Cốc pha chế 10oz, Bình Lắc Cocktail Nhựa 700ml, Dụng cụ vắt chanh inox, Đồ khai bia, Dụng cụ gấp đá, inox (tongs), Chày dầm pha chế – bar muddler, Muỗng khuấy, Phin Cafe Nhôm, Thớt, Dao, Máy xay sinh tố, Máy pha cà phê, khăn phục vụ, khăn vệ sinh, hộp đựng giấy, Menu đồ uống, Xô đá, xẻng xúc đá, Chân và xô ướp rượu, Chậu rửa, Giá treo ly, Ly bia, ly sâm panh, ly vang trắng, ly vang đỏ, ly cocktail, ly nước lọc, kệ đựng ly rượu, tách trà, tách cà phê, Đĩa kê ấm, Đĩa kê tách trà và cà phê, Thìa, ấm đun siêu tốc; Bát đĩa, đĩa kê, thìa các loại, dao, đĩa, muỗng, lọ gia vị, khăn trải bàn, khăn ăn.

*Thiết bị phòng thực hành nghiệp vụ buồng gồm:* Tủ lạnh, Dép đi trong nhà, Giường ngủ (giường đơn), ga trải giường, vỏ chăn, chăn, tấm bảo vệ nệm, gối, vỏ gối, gối trang trí, dải trang trí giường, lọ hoa, thùng rác, khăn tắm, gương soi, thảm chân, bộ dụng cụ lau sàn, xe đẩy phục vụ buồng.

#### 5.4. Địa điểm thực hành/ thực tập/ thực tế/ tham quan

TT	Địa điểm	Ghi chú
1	Di tích, danh thắng miền Bắc	Hạ Long, Sa Pa, Ninh Bình
2	Di tích, danh thắng miền Trung	Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam
3	Khách sạn Mường Thanh Thanh Hóa	Ngã Ba Voi, Khu đô thị Nam T/P, phường Đông Vệ, T/P. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
4	Khách sạn Meliá Vinpearl Thanh Hoa	27 Đ. Trần Phú, P. Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa
5	Khách sạn Trông Đồng	44 Lê Hoàn, Tp Thanh Hoàn
6	Khách sạn Sao Mai	20 Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa
7	FLC Luxury Hotel Sầm Sơn	Hồ Xuân Hương, Quảng Cư, Sầm Sơn, Thanh Hoá
8	HTH Ruby hotel	Hồ Xuân Hương, Quảng Cư, Sầm Sơn, Thanh Hoá

## VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### A. KHÓI KIẾN THỨC GDĐC

#### I. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

##### 1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

##### 1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

##### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.

- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.

- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.

- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
<b>Tổng</b>	<b>32</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Điểm chuyên cần</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 ( <i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 ( <i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 ( <i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>II. Kiểm tra thường xuyên</b>				

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
2	Kiểm tra viết	Rubric 4 ( <i>đánh giá bài kiểm tra viết</i> )	CLO1 CLO2	20%
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 ( <i>đánh giá bài thi trắc nghiệm</i> )	CLO1 CLO2	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### \* *Giáo trình chính:*

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2021.

#### \* *Tài liệu tham khảo:*

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2013.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

## 2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 ( 21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

## 4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## 5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 ( <i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 ( <i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	10%
<b>II. Kiểm tra thường xuyên</b>				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 ( <i>đánh giá bài kiểm tra</i> )	CLO1 CLO2	30%
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				50%
3	Viết	Rubric 4 ( <i>đánh giá bài thi viết</i> )	CLO1 CLO2	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \* *Giáo trình chính:*

1. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)

### \* *Tài liệu tham khảo:*

1. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin* (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

### 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

#### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

#### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin
- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18



Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 ( <i>đánh giá bài kiểm tra</i> )	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 ( <i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 ( <i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ</b>				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 ( <i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	20%
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%

## **7. Yêu cầu đối với người học**

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **\* Giáo trình chính:**

1) Bộ giáo dục và Đào tạo *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2021.

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

## **4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ History of the Communist Party of Vietnam**

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

### **1. Mô tả tóm tắt học phần**

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

### **2. Mục tiêu của học phần:**

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước ( 1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới ( 1975 đến nay)	7	6				30
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>				<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: (01)</b>			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

### 7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

### 7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \* *Giáo trình chính:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

### \* *Tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

## **5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/Ho Chi Minh's ideology**

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: LSD-TTHCM
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

### **1. Mô tả học phần**

Nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam và sự vận động, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Làm rõ được cơ sở thực tiễn, lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phân biệt được kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và Nhà nước; vận dụng được các nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghiên cứu quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của Người.

- CO2: Người học có thể thực hiện được tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hóa, đạo đức, con người một cách tự giác thông qua những hành động, việc làm cụ thể trong học tập và trong cuộc sống.

- CO3: Có nguyên tắc đạo đức cá nhân và tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Tóm tắt được nội dung kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

- CLO2: Xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng, từ đó vận dụng vào điều kiện cụ thể

- CLO3: Phân tích được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng và Nhà nước, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người

- CLO4: Có khả năng đưa ra các đánh giá, nhận định của bản thân về một số vấn đề thực tiễn trên cơ sở nội dung kiến thức đã học.

- CLO5: Chứng minh được giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay

- CLO6: Có kỹ năng phân tích, liên hệ với thực tiễn xây dựng Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

- CLO7: Bác bỏ, phê phán những quan điểm sai trái, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO8: Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

#### 5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Trọng số tính điểm học phần (%)	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa của CĐR trong lần đánh giá	Trọng số đánh giá theo CĐR (%)
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (3)</b>	15%	Điểm danh	Điểm danh	Rubric chuyên cần (R)		0	
	15%	Phát	Phát	Rubric	CLO1	10	

		biểu, thảo luận trên lớp	biểu, thảo luận trên lớp	thảo luận, thuyết trình nhóm (R2,4)	CLO2 CLO3		
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (1)</b>		Bài kiểm tra 1 tiết	Trắc nghiệm trên giấy	Theo đáp án và thang chấm	CLO1 CLO2 CLO3	10	40%
<b>III. Thi cuối kỳ (1)</b>	50%	Thi kết thúc học phần	Bài tập lớn/ Trắc nghiệm trên hệ thống	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết (R5)/ Theo đáp án và thang chấm	CLO1 CLO2 CLO3	10	60%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

### 7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

### 7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \* Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội

### \* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội

2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

## 6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

*Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.*

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng,	2	3		0		10



chống tham nhũng						
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>		<b>0</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kì (01)</b>				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1 Học liệu bắt buộc:**

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

### **8.2 Học liệu tham khảo:**

1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.
2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

## **II. QUẢN LÝ, KHOA HỌC XÃ HỘI**

### **7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ VÀ QTKD/ RESEARCH METHODOLOGY FOR ECONOMIC AND BUSINESS STUDENTS**

- Số tín chỉ: 2 (LT18, TL24)
- Mã học phần: 156012
- Bộ môn quản lý học phần: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Sau khi nghiên cứu môn học, người học sẽ có những phương pháp, kỹ năng nghiên cứu, phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong kinh tế, quản trị. Nhận diện được vấn đề nghiên cứu, các phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu, các phương pháp phân tích, đánh giá vấn đề nghiên cứu.

- CO2: Sinh viên có kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê và phần mềm hỗ trợ nghiên cứu như excel, SPSS, Eviews trong lĩnh vực kinh tế, quản trị.

- CO3: Sinh viên có thái độ tích cực, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu học phần để đạt được hiệu quả cao nhất.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về NCKH trong lĩnh vực kinh tế như các phương pháp nghiên cứu, cách trình bày NCKH, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong quá trình NCKH.

- CLO2: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu, thu thập, xử lý, phân tích thông tin về vấn đề nghiên cứu.

- CLO3: Vận dụng các kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê như SPSS, Eviews trong xử lý, phân tích thông tin kinh tế.

- CLO4: Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, khoa học.

### 4. Nội dung học phần

- Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	Tự học
Tổng quan về khoa học nghiên cứu	2	2				10
Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu	2	4				10
Tổng quan tài liệu nghiên cứu	3	4				10
Phương pháp thu thập thông tin	3	4				10
Phương pháp xử lý thông tin	5	6				35
Trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học	3	4				15
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>				<b>90</b>

**5. Phương pháp dạy – học:** Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành (P).

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
			CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3,4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Trần Tiến Khai (2014), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị*

*kinh doanh*, Nhà xuất bản ĐH KTQD.

2. Vũ Cao Đàm (2019), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

## **8. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/BUSINESS STARTUP AND INNOVATION**

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.
- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.
- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>		<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Day học theo dự án.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>				
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1 CLO2	30%
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	

3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
<b>Đánh giá giữa kỳ (20%)</b>				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
<b>Thi cuối kỳ (50%)</b>				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

#### 8.2 Tài liệu tham khảo:

1. Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)* – Dương Hiếu & Kim Phượng (dịch); NXB Thời đại.

2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

## **9. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE**

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.
- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.
- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Nhận biết được những hiệu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.
- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.
- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.



#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1</b> Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
<b>Nội dung 2</b> Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 3</b> Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 4</b> Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 5</b> Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 6</b> Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 7</b> Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 8</b> Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
<b>Nội dung 9</b> Văn hoá tôn giáo	2	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 10</b> Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 11</b> Văn hoá giao tiếp và văn hoá nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 12</b> Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 13</b> Tổng kết	1	2	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kỳ	CLO2	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
50%				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \* *Giáo trình chính:*

1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

### \* *Tài liệu tham khảo:*

2) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

3) Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

## 10. CÔNG NGHỆ SỐ/DIGITAL TECHNOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)

- Mã học phần: 172555

- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng

- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;

- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;

- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<b>Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2)</b> 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
<b>Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3)</b> 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things	2	0	0	3		10

2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. <i>An toàn, an ninh mạng</i>					
<b>Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0)</b> 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0	15
<b>Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0)</b> 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0	9
<b>Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35)</b> 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính <b>5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính</b>	4	0	0	35	65
<b>Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10)</b> 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10	24

### 5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện)	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học</li> <li>- Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>			
2	<p><b>Kỹ thuật trình chiếu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo sản phẩm</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.</li> </ul>	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	<p><b>Thực hành bảng tính</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành trên máy tính</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	<p><b>Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành trên máy tính</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	<p>Soạn thảo văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành trên máy tính</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời.</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức:</li> <li>+ <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút</li> <li>+ <i>Phần thực hành</i>: thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần.</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính:**

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

## **11. Chọn 1 trong 3 học phần**

### **11-12a. TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ KINH DOANH/ PSYCHOLOGY IN BUSINESS MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 181002
- Bộ môn quản lý học phần: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết:

#### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Giải thích được bản chất, chức năng của tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC; Lý giải được đặc điểm tâm lý của người bán hàng, của khách hàng và của người lãnh đạo trong hoạt động kinh doanh thương mại.

- CO2: Làm rõ được các nguyên tắc, phương tiện, phong cách... giao tiếp trong quản lý kinh doanh; Xác định được các quy luật tâm lý của việc sử dụng con người theo khoa học ...

- CO3: Đánh giá được những khía cạnh tâm lý của tiếp thị và xác định các cơ sở tâm lý học của quảng cáo

- CO4: Phối hợp được các đặc điểm tâm lý của các đối tượng khách hàng để

đưa ra sách lược tiêu thụ hàng hóa phù hợp; Thích nghi với các đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp; Hình thành kỹ năng giao tiếp hiệu quả và xây dựng một số hoạt động tiếp thị, quảng cáo thương mại dựa trên việc ứng dụng tâm lý người tiêu dùng.

- CO5: Thể hiện được nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức Tâm lý học quản lý kinh doanh trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp; Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn học; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề; Tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những vấn đề cơ bản của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Lý giải được đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại và đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong kinh doanh.

- CLO2: Xác định được các vấn đề về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Đánh giá được vai trò của quảng cáo thương mại đối với tâm lý người tiêu dùng.

- CLO3: Xây dựng được kế hoạch khảo sát, nghiên cứu thị trường tiêu dùng...thông qua các phương pháp nghiên cứu cụ thể; Nhận diện và kiểm soát được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và tâm lý các đối tượng trong quản lý kinh doanh nói riêng; Hình thành kỹ năng giao tiếp và giải quyết các tình huống trong quản lý kinh doanh;

- CLO4: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, thích ứng nhanh với những biến đổi của xã hội; Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Cam kết cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh</b> 1. Khái quát về TL. 2. Một số vấn đề chung về tâm lý học quản lý kinh doanh.	4	2				15

3. Phương pháp nghiên cứu tâm lý của tâm lý học quản lý kinh doanh.						
<b>Chương 2: Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương</b> 1. Đặc điểm tâm lý của khách hàng . 2. Đặc điểm tâm lý của người bán hàng.	2	6				15
<b>Chương 3: Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh</b> 1. Nhà kinh doanh và hoạt động kinh doanh. 2. Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh. 3. Phong cách của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh. 4. Uy tín của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh.	4	4				18
<b>Chương 4: Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong QLKD</b> 1. Giao tiếp trong quản lý kinh doanh 2. Sử dụng con người trong quản lý kinh doanh	4	4		3		22
<b>Chương 5: Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng</b> 1. Tiếp thị và những khía cạnh tâm lý của tiếp thị 2. Quảng cáo và cơ sở tâm lý học của quảng cáo	4	2		3		20



## 5. Phương pháp dạy - học

- Các phương pháp dạy học sử dụng trong học phần: Thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài tập nhóm (10%) - Số lần bài tập nhóm bằng với số tín chỉ học phần	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
5	Viết	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Điểm quá trình phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm thi kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ ĐK dự thi.

Hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính:**

1. Nguyễn Bá Dương – Đức Uy (2007), *Giáo trình Tâm lý học kinh doanh*, NXB Thống kê

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Hữu Thọ (2009), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB ĐHQG Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Thống kê.

## **11-12b. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ENVIRONMENT AND HUMAN**

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 24TH)

- Mã số học phần: 118001

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.

- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần:**

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

### **2. Mục tiêu của học phần:**

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.

- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.

- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

#### 4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường</b> 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1. Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin	2	3				15
<b>Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường</b> 2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung.	3	4				15

<p>2.1.2. Các định luật có liên quan.</p> <p>2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.</p> <p>2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật.</p> <p>2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật.</p> <p>2.3. Quần thể và quần xã sinh vật.</p> <p>2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.</p> <p>2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.</p> <p>2.4. Hệ sinh thái.</p> <p>2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái.</p> <p>2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.</p> <p>2.5. Hệ sinh thái và con người.</p> <p>2.5.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái.</p> <p>2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.</p> <p>2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.</p>						
<p><b>Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b></p> <p>3.1. Dân số</p> <p>3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số</p> <p>3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số</li> <li>- Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển</li> <li>- Dự báo phát triển dân số trên thế giới</li> </ul> <p>3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam</p> <p>3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh</p> <p>3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên</p> <p>3.2.1. Khái niệm TNTN</p> <p>3.2.2. Phân loại TNTN</p>	4	6				15

<p>3.2.3. Vai trò của TNTN</p> <p>3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN</p> <p>3.3. Một số loại TNTN</p>						
<p><b>Chương 4. Ô nhiễm môi trường</b></p> <p>4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường</p> <p>4.2. Ô nhiễm môi trường nước</p> <p>4.2.1. Khái niệm</p> <p>4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước</p> <p>4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới</p> <p>4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục</p> <p>4.3. Ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.1. Khái niệm</p> <p>4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục</p> <p>4.4. Ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.1. Khái niệm</p> <p>4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất</p> <p>4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục</p> <p>4.5. Các ô nhiễm khác</p>	3	4				15
<p><b>Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững</b></p> <p>5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu</p> <p>5.1.1. Lắng đọng axit</p> <p>5.1.2. Hiệu ứng nhà kính</p> <p>5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn</p> <p>5.2. Các công cụ quản lý môi trường</p>	3	4				15

5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung của PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam						
<b>Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động</b> 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.	3	3				15
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>				<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây	CLO1,2,3,4	

		dựng phong trào học tập của lớp...)		
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
<b>Thi cuối kì</b>				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Học liệu:

#### ***Giáo trình chính:***

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

#### ***Tài liệu tham khảo:***

1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.
2. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

## **11-12c. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG /INTRODUCTION TO SOCIOLOGY**

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24TL)
- Mã học phần: 123240
- Bộ môn quản lý học phần: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.

### **2. Mục tiêu học phần**

CO1: Phát triển khả năng nhận diện, phân tích các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.

CO2: Hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội theo hướng tiếp cận xã hội học

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sinh viên hệ thống hoá được: đối tượng, chức năng, cơ cấu, phương pháp nghiên cứu của xã hội học
- CLO2: Sinh viên khái quát hoá được quá trình hình thành và phát triển của ngành xã hội học, quan điểm của một số nhà xã hội học tiêu biểu
- CLO3: Sinh viên giải thích được các khái niệm: hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội và phân tích, đánh giá được các vấn đề xã hội ở các phạm trù này diễn ra trong đời sống
- CLO4: Sinh viên nhận diện và phân tích được các không gian văn hoá, quá trình xã hội hoá, sự biến đổi của xã hội từ đó giải thích được các phạm trù xã hội trong cuộc sống.
- CLO5: Sinh viên hệ thống được đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội từ góc độ xã hội học, thiết kế được chương trình nghiên cứu xã hội học
- CLO6: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội từ hướng tiếp cận xã hội học



#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Xã hội học là một khoa học	2	0				8
Nội dung 2: Lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học	2	2				8
Nội dung 3: Hành động xã hội và tương tác xã hội	2	2				10
Nội dung 4: Tổ chức xã hội và Thiết chế xã hội	2	2				10
Nội dung 5. Cơ cấu xã hội	4	4				10
Nội dung 6. Văn hóa		2				10
Nội dung 7. Xã hội hóa	2	2				10
Nội dung 8. Biến đổi xã hội	2	2				10
Nội dung 9. Thực hành nghiên cứu xã hội học	2	2				14
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>				<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	<b>Các câu hỏi về kiến thức chung về các vấn đề xã hội từ cách tiếp cận xã hội học</b> - Sinh viên tự lựa chọn vấn đề xã hội - Mục đích: giúp sinh viên xác định và đánh giá được các vấn đề xã hội trong cuộc sống. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO2	30%
2	<b>Phân tích hành động học tập của sinh viên để hiểu về hành động xã hội (1 phạm trù quan trọng trong nghiên cứu XHH)</b>	Rubric 2	CLO1, CLO3	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo sản phẩm</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung hành động xã hội, tương tác xã hội.</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.</li> </ul>			
3	<p><b>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến những biến đổi ở trong xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập cá nhân</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung biến đổi xã hội</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 3	CLO1, CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	<p>Phân tích một vấn đề xã hội tồn tại trong giới trẻ hiện nay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề.</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm</li> </ul>	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO5	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức:</li> <li>+ <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm</li> <li>+ <i>Phần vận dụng</i> : đánh giá, phân tích một vấn đề xã hội từ góc nhìn xã hội học.</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần.</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

\* *Giáo trình bắt buộc:*

- 1) Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), *Xã hội học*, Nhà

xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

**\* Tài liệu tham khảo:**

- 1) Phạm Tất Dong, Nguyễn Sinh Huy (2004), *Xã hội học*, NXB Thống kê
- 2) Nguyễn Sinh Huy (1999), *Xã hội học đại cương*, ĐHQG, Hà Nội

### **13a. ĐỊA LÍ KINH TẾ VIỆT NAM/ ECONOMIC GEOGRAPHY**

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL)
- Mã số học phần: 125225
- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần: Tự chọn

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần Địa lí kinh tế Việt Nam cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển KT Việt Nam như: vị trí địa lí, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội; Thực trạng phát triển các ngành kinh tế ở Việt nam hiện nay; Đặc điểm phát triển các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học nắm vững những kiến thức tổng quan về vai trò của từng nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế cũng như đặc trưng của vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm.

- CO2: Người học phân tích, đánh giá được vai trò và tầm quan trọng của các nguồn lực cụ thể ở Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế chung cũng như phát triển của từng ngành kinh tế ở Việt Nam. Phân tích và so sánh được đặc điểm phát triển kinh tế của 7 vùng kinh tế và 4 vùng kinh tế trọng điểm của đất nước. Từ đó rút ra được xu hướng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai.

- CO3: Người học có được kỹ năng phân tích các bảng số liệu, đánh giá, so sánh số liệu thống kê; vẽ các biểu đồ, sơ đồ; Kỹ năng viết báo cáo, viết bài luận; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

- CO4: Người học được bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển kinh tế của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

#### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các kiến thức về nguồn lực phát triển kinh tế, ngành và vùng kinh tế.

- CLO2: Phân tích mối quan hệ của các yếu tố nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam, đánh giá được những ảnh hưởng của các nguồn lực đối với

sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung, các ngành và các vùng kinh tế nói riêng. Phân tích và đánh giá được thực trạng và xu hướng phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế ở Việt Nam.

- CLO3: Tính toán được một số chỉ tiêu kinh tế; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và kinh tế- xã hội của đất nước; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế Việt Nam.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Vị trí và tài nguyên thiên nhiên.	2	2				10
Nội dung 2: Các loại tài nguyên thiên nhiên chủ yếu.	2	3				10
Nội dung 3: Các vấn đề dân số Việt Nam.	2	2				10
Nội dung4: Địa lí ngành CN	2	3				10
Nội dung5: Địa lí ngành Nông-Lâm-Ngư nghiệp	2	3				10
Nội dung 6: Địa lí ngành dịch vụ	2	2				10
Nội dung 7:Địa lí các vùng kinh tế tự VN (phân chia theo điều kiện tự nhiên).	2	3				10
Nội dung 8: Địa lí các vùng kinh tế trọng điểm VN.	2	3				10
Nội dung 9: Việt Nam trong hệ thống phân công lao động khu vực và quốc tế.	2	3				10
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>				<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **\* Giáo trình chính:**

1) Lê Thông (Chủ biên), 2011, *Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam*, NXB ĐHSP Hà Nội.

### **\* Giáo trình tham khảo**

1) Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), 2012, *Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2) Tổng cục thống kê, *Niên giám thống kê Việt Nam (hàng năm)*, NXB Thống kê.

## **13b. LỊCH SỬ KINH TẾ QUỐC DÂN/NATIONAL ECONOMIC HISTORY**

- Số tín chỉ: 02 (18 LT : 24 TL : 90 TH)

- Mã học phần: 151.075

- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần: Tự chọn

### **1. Mô tả học phần**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền KT thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển KT cho Việt Nam.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác.

- CO2: Vận dụng được những bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển KT của các nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; phân tích được những đặc điểm, mô hình và xu hướng phát triển KT của mỗi quốc gia qua các thời kỳ lịch sử cụ thể;

- CLO2: Phân tích, đánh giá trình bày được nội dung phát triển kinh tế của các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Liên Xô, Trung Quốc và phương thức phát triển

kinh tế Việt nam giai đoạn từ 1945 đến nay.

- CLO3: Hiểu những bài học kinh nghiệm về phát triển KT của các quốc gia. Từ đó, sinh viên đạt được những kiến thức về KT - XH, nâng cao trình độ lý luận về KT, bồi dưỡng quan điểm lịch sử, thực tiễn

- CLO4: Nhận thức đúng đắn và toàn diện về lịch sử kinh tế. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Nhập môn và Kinh tế Mỹ	2	2				9
Nội dung 2: Kinh tế Nhật Bản	2	3				10,5
Nội dung 3: Kinh tế Liên Xô	2	2				9
Nội dung 4: Kinh tế Trung Quốc	2	3				10,5
Nội dung 5: Kinh tế các nước đang phát triển và ASEAN	2	3				10,5
Nội dung 6: Kinh tế Việt Nam thời kỳ trước năm 1945	2	2				9
Nội dung 7: KT VN thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp	2	3				10,5
Nội dung 8: Kinh tế Việt Nam thời kỳ đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền (1955 - 1975)	2	3				10,5
Nội dung 9: KT Việt Nam từ 1976 đến nay	2	3				10,5
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>				<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL	CLO1,2,3	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có tài liệu 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, TS. Trần Khánh Hưng, *Giáo trình Lịch sử KT*, NXB ĐH KTQD, 2013.

### 8.2 Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý, *Giáo trình lịch sử kinh tế*, NXB ĐH KTQD, năm 2008



## **14. TIẾNG ANH 1/ (ENGLISH 1)**

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)

- Mã học phần: 133031

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần:**

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Nội dung 1:</b></p> <p>1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1).</p> <p>1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs</p> <p>1.3. Verb “to be”, Possesive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B.</p> <p>1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17)</p> <p>1.5. Possessive Adjective</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Article</li> <li>- Lesson 1C, 4A, 2A</li> </ul> <p>1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24)</p> <p>1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Adjective and Adverb</li> <li>- Verb</li> <li>- Lesson 2B, 2C</li> </ul>	10	3	3	4	2	52
<p><b>Nội dung 2:</b></p> <p>2.1. Simple Present</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lesson 3A, B, C</li> </ul> <p>2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34)</li> </ul> <p>2.3. Preposition</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lesson 4B, 4C</li> </ul> <p>2.4. Possessive Adjective</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Article</li> <li>- Lesson 1C, 4A, 2A</li> </ul> <p>2.5. Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>Lesson 5A, 6B, 6C</p>	11	3	3	5	1	52

2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)						
<b>Nội dung 3:</b> 3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C 3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) 3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C 3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.	11	3	3	5	1	52
<b>Nội dung 4:</b> 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Writing, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

**5. Phương pháp dạy – học:** Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

**6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:**

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

**8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:**

**\*Giáo trình bắt buộc**

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson.,2012., *English File–Elementary 3<sup>rd</sup> edition*. Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

**Tài liệu tham khảo**

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press

## **15. TIẾNG ANH 2 (ENGLISH 2)**

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)

- Mã học phần: 133032

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần:**

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Nội dung 1:</b></p> <p>1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous</p> <p>1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to</p> <p>Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive</p> <p>1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1</p> <p>1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses</p>	7	2	2	3	1	33
<p><b>Nội dung 2:</b></p> <p>2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2;</p>	7	2	2	4	1	33

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Unit 1 A, B</li> <li>2.2. Unit 1C; 2 A, B</li> <li>2.3. Kiểm tra giữa kỳ</li> <li>- Unit 2C</li> <li>- Revise &amp; Check 1&amp;2</li> <li>- Unit 3 A</li> <li>2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons.</li> <li>- Do the exercises on the textbook</li> <li>- Do exercises on Unit 2C, 3A</li> </ul>						
<p><b>Nội dung 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>3.1. Unit 3B, C</li> <li>- Exercises in the textbook Unit3B</li> <li>- Exercises in the textbook Unit 3C</li> <li>- Exercises in workbook Unit 3B, 3C</li> <li>3.2. Unit 4A, B</li> <li>- Exercises in Unit 4B, C</li> <li>- Talk about your shopping habit</li> <li>3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2</li> <li>- Unit 4C;</li> <li>- Revise and check 3&amp;4,</li> <li>3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&amp;4</li> </ul>	7	3	2	4	1	33
<p><b>Nội dung 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>4.1. Unit 5A, B</li> <li>- Exercises in Unit 5A, B, C</li> <li>4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B</li> <li>Unit 5C, 6A</li> <li>4.3. Consult Unit 5C, 6 A,</li> <li>- Exercises in workbook Unit 5C, 6 A.</li> <li>4.4. Unit 6B, C</li> <li>4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content.</li> <li>- Write a composition on the given</li> </ul>	6	2	3	2	2	36

topic						
Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3						
4.6. Revise and check 5&6;						
- Exercises in workbook Revise and check 5&6						

**5. Phương pháp dạy – học:** Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

**6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

**7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

**8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

**Giáo trình bắt buộc:**

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File–Preintermediate 3<sup>rd</sup> edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (cuốn 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)



### ***Tài liệu tham khảo:***

1. Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1)
2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2)
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3)

## **16. TIẾNG ANH 3 (ENGLISH 3)**

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.
- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần:**

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành

các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Nội dung 1:</b></p> <p>1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) &amp; Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to”</p> <p>1.2. Bài tập luyện 2.1 (2):</p> <p>1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) &amp; Bài 1.1 (2)</p> <p>1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people.</p> <p>1.5. 7C (1) &amp; Bài 8.1. (2)</p> <p>1.6. Progress test 1: Multiple choice test</p> <p>1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.</p>	7	2	2	3	1	44
<p><b>Nội dung 2:</b></p> <p>2.1. Unit 8B (1) &amp; 9.2 (2) Topics: Environment</p> <p>2.2. Share their idea about the things can do to help the environment</p>	7	2	2	4	1	33

<p>2.3. Bài 9A &amp; Bài 10.1 Topic: What would you do if...</p> <p>2.4. Give a report to the class about giving advice</p> <p>2.5. Mid-term Test</p> <p>2.6. Unit 9C (1) &amp; 2 7.2 (2) Topics: Leisure</p> <p>2.5. Apply grammar theory to do different exercises.</p>						
<p><b>Nội dung 3:</b></p> <p>3.1. Bài 10B (1) &amp; Bài 3.1 (2) Topic: famous people</p> <p>3.2. Bài 10C (1) &amp; Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival</p> <p>3.3. Progress test 2 – Writing test</p> <p>3.4. Bài 11A (1) &amp; 7.1 (2) Topic: Bad losers</p>	7	3	2	4	1	33
<p><b>Nội dung 4:</b></p> <p>4.1. Bài 11B (1) &amp; Bài 4.1 (2) Topics: Morning person</p> <p>4.2. Bài 12A (1) &amp; Bài 12.1 (2) Topic: News around the world</p> <p>4.3. Bài 12B (1) &amp; Bài 12.2 (2) Topic: Gossips</p> <p>4.4. Progress Test 3 – speaking test</p>	6	2	3	2	2	25

**5. Phương pháp dạy – học:** Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

**6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1,	

			CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

#### **Giáo trình bắt buộc:**

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2011. *English File–Pre-intermediate 3<sup>rd</sup> edition*. Oxford University Press.

2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press

2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

## IV. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

### GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1/ PHYSICAL EDYICATION 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

#### **1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)**

*Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương

pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện

- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu

- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
<b>Nội dung 1: (LT)</b> - Giáo dục thể chất trong các trường đại học - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
<b>Nội dung 2: II.(TH)</b> Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: - Động tác: Tay - Động tác: Lườn - Động tác: Vặn mình			2			6
<b>Nội dung 3: (TH)</b> Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Bụng - Động tác: Lưng - Động tác: Chân			2			6
<b>Nội dung 4: (TH)</b> Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Toàn thân - Động tác: Thăng bằng - Động tác: bật nhảy			2			6
<b>Nội dung 5: (TH)</b> Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
<b>Nội dung 6: (TH)</b> Ôn tập và kiểm tra bài tập phát			2			6

triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).						
<b>Nội dung 7: (TH)</b> - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu- Học các động tác khởi động hỗ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu ( mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)			2			6
<b>Nội dung 8: (TH)</b> - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu ( mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).			2			6
<b>Nội dung 9: (TH)</b> - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.			2			6
<b>Nội dung 10: (TH)</b> - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng mu bàn chân.			2			6
<b>Nội dung 11: (TH)</b> - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.			2			6
<b>Nội dung 12: (TH)</b> Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
<b>Nội dung 13: (TH)</b> Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
<b>Nội dung 14: (TH)</b> - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp trần chính diện			2			6
<b>Nội dung 15: (TH)</b> - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
<b>Tổng</b>	<b>2</b>		<b>28</b>			<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi( Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác ( Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%



## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính:**

1). Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb TĐTT, Hà Nội

2). Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TĐTT, Hà Nội.

3). Đặng Ngọc Quang (2003), Giáo trình Đá cầu, NXB ĐHSP.

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

4). ỦY BAN TĐTT (2003), Luật Đá cầu, NXB TĐTT.

## **Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation**

### **Chọn 1 trong 5 học phần:**

#### **a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền**

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191031

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

#### **1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)**

- *Nội dung học phần:* Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước

mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyên.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyên, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lầy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyên.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyên: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyên.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyên: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyên, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
<b>Nội dung 1.</b> Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; Các kỹ thuật bóng chuyên, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyên; Tư thế chuẩn bị và			2			6

di chuyển						
<b>Nội dung 2.</b> Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng)..			2			6
<b>Nội dung 3.</b> - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
<b>Nội dung 4.</b> Ôn tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
<b>Nội dung 5.</b> - Ôn tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
<b>Nội dung 6.</b> Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
<b>Nội dung 7.</b> - Ôn tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
<b>Nội dung 8.</b> Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
<b>Nội dung 9.</b> - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6

- Giới thiệu kỹ thuật chuyên bóng cao tay trước mặt.						
<b>Nội dung 10.</b> - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.			2			6
<b>Nội dung 11.</b> - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.			2			6
<b>Nội dung 12.</b> Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
<b>Nội dung 13.</b> Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
<b>Nội dung 14.</b> Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
<b>Nội dung 15</b> Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
<b>Tổng</b>			<b>30</b>			<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO.4,5,6	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Thực hành	- Chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3, 4,5,6	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính :**

1). Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyền*, NXB ĐHSP

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*, NXB, TDTT.

3). Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

## **b. Học phần tự chọn môn Bóng đá**

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191033

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

### **1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)**

- *Nội dung học phần:* Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền

bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
<b>Nội dung 1: (LT)</b> Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá			2			6
<b>Nội dung 2: (TH)</b> Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng.			2			6
<b>Nội dung 3: (TH)</b> Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6
<b>Nội dung 4: (TH)</b> Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6

Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>						
<b>Nội dung 5: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.			2			6
<b>Nội dung 6: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân			2			6
<b>Nội dung 7: (TH)</b> Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>			2			6
<b>Nội dung 8: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.			2			6
<b>Nội dung 9: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên			2			6
<b>Nội dung 10: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.			2			6
<b>Nội dung 11: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>			2			6
<b>Nội dung 12: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng sút cầu môn			2			6



<b>Nội dung 13: (TH)</b> Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>			2			6
<b>Nội dung 14: (TH)</b> Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.			2			6
<b>Nội dung 15: (TH)</b> Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.			2			6
<b>Tổng</b>			<b>30</b>			<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.	

3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.	
<b>II Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
<b>III Thi cuối kỳ</b>				
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

### **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

#### **8.1. Giáo trình chính:**

1). PGS.TS Trần Đức Dũng, *Giáo trình Bóng Đá*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

#### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

- 1). Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5,11 người*, Nxb TDTT.
- 2). TS. Phạm Quang, *Giáo trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

### **c. Học phần tự chọn môn Bóng rổ.**

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

## **1. Mô tả học phần**

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa, tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.

- CLO 3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành		
<b>Nội dung 1:</b> - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học			2		6
<b>Nội dung 2: (TH)</b> - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh			2		6
<b>Nội dung 3: (TH)</b> Ôn tập :- Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.			2		6
<b>Nội dung 4: (TH)</b> - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh			2		6

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao</li> <li>- Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực</li> </ul>						
<p><b>Nội dung 5: (TH)</b>  Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ:  + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao  + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)</p>			2			6
<p><b>Nội dung 6: (TH)</b>  Ôn:+ Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao  + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh  Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng:  + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực  + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực  + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.</p>			2			6
<p><b>Nội dung 7: (TH)</b>  - Giới thiệu chiến thuật:  + Tấn công nhanh  + Phòng thủ khu vực.  Kiểm tra giữa kỳ:  - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh  Nội dung kiểm tra:  Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian  Cách thực hiện kỹ thuật :  - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh</p>			2			6

<p>của giáo viên thổi sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích</li> </ul> <p>Dẫn bóng phạm luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng</li> <li>- Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng.</li> <li>- Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng.</li> <li>- Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng</li> <li>- Không được bật nhảy khống chế bóng rồi dẫn bóng</li> <li>- Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng</li> </ul>						
<p><b>Nội dung 8: (TH)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.</li> <li>- Ôn tập kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao</li> <li>+ Kỹ thuật dẫn bóng nhanh</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức thi đấu</li> </ul>			2			6
<p><b>Nội dung 9: (TH)</b></p> <p>Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thi đấu</li> </ul>			2			6
<p><b>Nội dung 10: (TH)</b></p>			2			6

Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu						
<b>Nội dung 11: (TH)</b> Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phũng thủ kèm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu			2			6
<b>Nội dung 12: (TH)</b> Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
<b>Nội dung 13: (TH)</b> Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
<b>Nội dung 14: (TH)</b> - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao.			2			6
<b>Nội dung 15: (TH)</b> - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
<b>Tổng</b>			<b>30</b>			<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp

lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi( Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao (Rubric 1)	CLO.5.6.	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Thực hành	-Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. -Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.



## **8.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.
2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.

### **d. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic**

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

#### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.
- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic
- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.
- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.
- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Thực hành	Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
<b>Nội dung 1:</b> - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic - Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản			2			6
<b>Nội dung 2</b> Các tư thế cơ bản			2			6
<b>Nội dung 3:</b> - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)			2			6
<b>Nội dung 4:</b> - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)			2			6
<b>Nội dung 5:</b> - Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) - Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)			2			6
<b>Nội dung 6:</b> - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III			2			6

- Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)						
<b>Nội dung 7:</b> - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)			2			6
<b>Nội dung 8:</b> - Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V			2			6
<b>Nội dung 9:</b> - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)			2			6
<b>Nội dung 10:</b> - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) - Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)			2			6
<b>Nội dung 11:</b> - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII			2			6
<b>Nội dung 12:</b> Hoàn thiện bài liên kết			2			6
<b>Nội dung 13:</b> Hoàn thiện bài liên kết			2			6
<b>Nội dung 14:</b> Hoàn thiện bài liên kết			2			6
<b>Nội dung 15:</b> - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học			2			6
<b>Tổng</b>			<b>30</b>			<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Cng cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1). Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDTT HN.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

2). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TDTT HN.

3). Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDTT

## **e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam**

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191005

- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

### **1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)**

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hồ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo

- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hồ quyền rèn luyện thể lực cho người học.

- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn,

hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.

- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chào mã tấn; dinh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Thực hành	Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)						
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành				
<b>Nội dung 1:</b> - Trung bình tấn - Dinh tấn - Chào mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn			2			6	
<b>Nội dung 2:</b> - Đám thẳng - Đám ngang (Đám móc) - Đám mức			2			6	
<b>Nội dung 3:</b> - Đá thẳng			2			6	

- Đá vòng cầu (Đá tạt) - Đá cạnh chân						
<b>Nội dung 4:</b> Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
<b>Nội dung 5: (Ôn tập)</b> Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
<b>Nội dung 6:</b> Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
<b>Nội dung 7: (Ôn tập)</b> Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
<b>Nội dung 8:</b> Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
<b>Nội dung 9: (Ôn tập)</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 21 – 30)			2			6
<b>Nội dung 10:</b> Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
<b>Nội dung 11: (Ôn tập)</b> - Bài long hổ quyền (Từ động tác 31- 40)			2			6
<b>Nội dung 12:</b> - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
<b>Nội dung 13: (TH)</b> Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 –45)			2			6
<b>Nội dung 14: (TH)</b> Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)			2			6
<b>Nội dung 15: (TH)</b> - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền			2			6
<b>Tổng</b>			<b>30</b>			<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 3)	CLO2,3,4,5,6	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.



- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính**

1). Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT.

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

2). Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

3). Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TĐTT, HN.

## **V. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết**

### **I. ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/NATIONAL DEFENSE AND SECURITY POLICY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM**

- Số tín chỉ: 3 (37, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

#### **2. Mục tiêu của học phần.**

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng,

tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

### 4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<i>Bài 1:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
<i>Bài 2:</i> Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 3:</i> Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 4:</i> Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 5:</i> Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
<i>Bài 6:</i> Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
<i>Bài 7:</i> Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15

<i>Bài 8:</i> Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
<i>Bài 9:</i> Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
<i>Bài 10:</i> Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 11:</i> Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10

### 5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

<b>TT</b>	<b>Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá</b>	<b>Công cụ đánh giá</b>	<b>CĐR HP liên quan</b>	<b>Trọng số</b>
	5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### ***Giáo trình chính:***

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

### ***Tài liệu tham khảo:***

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

## **II. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH/DEFENSE AND SECURITY**

- Số tín chỉ: 2 (22, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An

toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

## 4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Bài 1:</b> Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
<b>Bài 2:</b> Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực	4	2				

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam						
<b>Bài 3:</b> Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
<b>Bài 4:</b> Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
<b>Bài 5:</b> Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
<b>Bài 6:</b> An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
<b>Bài 7:</b> An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

### 5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### - Tài liệu bắt buộc:

- Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.
- Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

### - Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*.
- Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

## III. HỌC PHẦN QUÂN SỰ CHUNG

- Số ĐVHT: 02 ( Lý thuyết:14; Thực hành: 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều

lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

## **2. Mục tiêu của học phần.**

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



#### 4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	<b>Cộng</b>	30	14	16

#### 5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
<b>II</b>	<b>Thi kết thúc học phần</b>			

Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
--	-----------------------------	----------------------	-----

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

#### 8.2. Học liệu tham khảo:

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

## IV. HỌC PHẦN KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

- Số ĐVHT: 04 ( Lý thuyết: 04, Thực hành: 56)

- Mã học phần: GDQP 4

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

### 2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung

và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiên công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiên công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thực tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiên công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiên công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác cầm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### 4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiên công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	<b>Cộng</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>56</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)</b>			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập). Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
<b>II</b>	<b>Thi kết thúc học phần</b>			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Tài liệu chính:

Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

## **8.2. Tài liệu tham khảo:**

Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.

## **B. KHỞI KIẾN THỨC GDCN**

### **I. KIẾN THỨC CƠ SỞ**

#### **17. TỔNG QUAN DU LỊCH/ INTRODUCTION TO TOURISM**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL, 9TT)
- Mã học phần: 127099
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

##### **1. Mô tả học phần**

Học phần giới thiệu kiến thức tổng quan về ngành dịch vụ du lịch. Người học sẽ cùng tìm hiểu các khái niệm cơ bản về du lịch; quá trình hình thành và phát triển du lịch; động cơ du lịch và các điều kiện phát triển du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch; tính thời vụ trong du lịch; các bộ phận cấu thành công nghiệp du lịch; lao động trong du lịch và vấn đề đào tạo nguồn nhân lực du lịch ở Việt Nam; tác động của hoạt động du lịch đến kinh tế, xã hội và môi trường; các vấn đề về tổ chức và hoạch định chính sách trong du lịch. Bên cạnh đó, kinh nghiệm phát triển du lịch từ các quốc gia sẽ được chia sẻ. Cuối học phần có 9 tiết học/01 ngày đi thực tế một số tuyến, điểm du lịch tại Thanh Hóa và những địa phương lân cận. Qua học tập thực tế sinh viên có được sự trải nghiệm những vấn đề lý thuyết vận dụng vào thực tế phát triển du lịch của địa phương.

##### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học hiểu, phân tích, đánh giá được những quan điểm, lí thuyết, các vấn đề cơ bản của khoa học du lịch.
- CO2: Giúp người học hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học.
- CO3: Giúp người học biết cách làm việc nhóm cũng như làm việc độc lập; yêu nghề; tích cực tìm tòi, học hỏi và có ý thức bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững.

##### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

***Học xong môn học này, sinh viên làm được (đạt được):***

- CLO1: Trình bày được các khái niệm liên quan đến lĩnh vực du lịch. Giải thích được các bước thăng trầm của du lịch qua các thời kỳ. Giải thích được các nhu cầu, động cơ và điều kiện phát triển du lịch
- CLO2: Nhận diện, phân tích được các yếu tố tạo nên tính thời vụ trong du lịch. Nhận diện và hiểu được vai trò của các thành phần tham gia vào hoạt động du

lich. Phân tích được các tác động của du lịch đến môi trường tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội

- CLO3: Phân biệt được các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch. Nhận diện được xu thế phát triển du lịch trong tương lai.

- CLO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, phản biện. Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, tư duy, lập luận logic để giải quyết các vấn đề về du lịch. Vận dụng lý thuyết tổng quan về du lịch để đưa ra các giải pháp phát triển du lịch cho từng địa phương

- CLO5: Hình thành quan điểm đúng đắn về ngành, nghề du lịch, tin tưởng ở tương lai ngành học mà mình đã chọn. **Hình thành thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập.** Xây dựng kế hoạch phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của nghề. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1. Những vấn đề chung</b> 1.1. Các khái niệm 1.2. Quá trình hình thành và phát triển du lịch 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch 1.4. Tính thời vụ trong du lịch	6	5	0			20
<b>Nội dung 2. Các hợp phần của du lịch</b> 2.1. Khách du lịch 2.2. Các nhà cung ứng du lịch 2.3. Cộng đồng địa phương 2.4. Các cơ quan tổ chức du lịch	6	5	0			25
<b>Nội dung 3. Tác động của du lịch</b> 3.1. Tác động của du lịch đến văn hóa 3.2. Tác động của du lịch đến xã hội 3.3. Tác động của du lịch đến kinh tế 3.4. Tác động của du lịch đến môi trường tự nhiên 3.5. Tác động du lịch đến đào tạo và nghiên cứu	5	5	0			25

3.6. Phát triển du lịch bền vững						
<b>NỘI DUNG 4. Loại hình và sản phẩm du lịch</b>						
4.1. Loại hình du lịch	5	6	0			25
4.2. Sản phẩm du lịch						
<b>NỘI DUNG 5. Tương lai và triển vọng của du lịch</b>						
5.1. Hiện tượng du lịch trong tương lai						
5.2. Tương lai và triển vọng ngành kinh tế du lịch	5	6	0			25
5.3. Đào tạo và nghiên cứu du lịch trong tương lai						
Nội dung 6. Thực tế tại một số điểm đến du lịch tại địa phương	0	0	0	0	9	0
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Giảng theo tình huống thực tế:** Sinh viên tìm hiểu các tình huống thực tế thực tế môn học để phân tích về sự phân bố về tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch, các tác động của hoạt động du lịch ở điểm đến du lịch. Nhận dạng, phân tích được các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch; Đề xuất được giải pháp phát triển sản phẩm du lịch và khắc phục tính thời vụ trong du lịch. Hình thành lòng yêu nghề và ý thức hoạt động du lịch có trách nhiệm, bền vững.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

- **Thảo luận nhóm để phân tích tình huống:** Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm để phân tích tình huống. Tình huống sẽ cho dưới dạng văn bản, hoặc video thể hiện 1 tình huống cần giải quyết liên quan đến hoạt động du lịch. Mỗi nhóm có thể tập hợp từ 5 đến 7 sinh viên. Các chủ đề do giảng viên phân công tùy theo tình hình thực tế, số lượng sinh viên.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO 4,5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kỳ	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
	Viết	Rubric đánh giá bài thi viết/ Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

[1] Trần Đức Thanh (2003). *Nhập môn khoa học Du lịch*. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

- [1]. Võ Văn Thành (2015), *Tổng quan du lịch*. NXB Văn hoá – văn nghệ
- [2]. Trần Thị Minh Hoà. (2015) *Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới*. NXB Đại học Quốc gia HN.



## **18. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG/ SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT**

- Số tín chỉ: 02 ( 18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 127030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch bền vững (khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí), phân biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm; vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong phát triển du lịch bền vững; marketing trong du lịch bền vững; các chiến lược quản lý du khách tại điểm đến; phương pháp lập quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch bền vững. Người học được hoàn thiện các kỹ năng mô tả, chứng minh được sự phát triển bền vững của một điểm đến hoặc một dự án du lịch; chỉ rõ được sự khác biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm, chỉ rõ chiến lược marketing bền vững của các tổ chức quản lý điểm đến, các doanh nghiệp du lịch; xây dựng được kế hoạch phát triển du lịch bền vững tại một điểm đến hoặc một địa phương.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Hệ thống hóa được lý luận về phát triển du lịch bền vững: khái niệm, nguyên tắc, biểu hiện, nội dung và vận dụng để phân tích được mục tiêu, chiến lược, quy trình của việc quy hoạch, quản lý và marketing của điểm đến hay doanh nghiệp phát triển du lịch bền vững.

- CO2: Hình thành và xây dựng kỹ năng thu thập dữ liệu, thông tin, viết báo cáo phân tích các yếu tố ảnh hưởng và nội dung phát triển du lịch bền vững. Sinh viên biết lập kế hoạch và trình bày kế hoạch phát triển DLBV cho điểm đến hay doanh nghiệp du lịch.

- CO3: Bồi dưỡng năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, hợp tác nhóm, tổ chức nhóm: nâng cao nhận thức và mối quan hệ giữa hoạt động du lịch với môi trường, tài nguyên và xã hội

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: SV nhận biết và hiểu được cơ sở lý thuyết của PT DLBV. Vận dụng cơ sở lý thuyết để phân tích được mục tiêu, chiến lược và quy trình đối với các nội dung trong PTDLBV: quy hoạch, quản lý và marketing của một điểm đến hoặc một doanh nghiệp du lịch. Định hướng và lựa chọn giải pháp phát triển DLBV đối với một số khu vực sinh thái nhạy cảm.

- CLO2: Thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu, thông tin và viết báo cáo phân tích mức độ PTDL của điểm đến và các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLBV. Lập KH, trình bày kế hoạch phát triển DLBV cho điểm đến hay doanh nghiệp du lịch

- CLO3: Phát triển năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, hợp tác nhóm, tổ chức nhóm; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về phát triển du lịch bền vững	4	5	0	0	0	15
Quy hoạch phát triển du lịch bền vững	5	5	0	0	0	15
Quản lý phát triển du lịch bền vững	5	4	0	2	0	20
Marketing du lịch bền vững	2	2	0	2	0	20
Định hướng và một số giải pháp phát triển DLBV	2	2	0	2	0	20
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

#### 5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,2,3	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
5	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO1,2,3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,2,3	20%

<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

### **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

#### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

[1]. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

[2]. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái - những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục

[3]. Trần Đức Thanh (2003), *Nhập môn khoa học du lịch*. NXB Đại học QGHN.

## **19. KINH TẾ VI MÔ/ MICROECONOMICS**

- Số tín chỉ: 3 (27 LT : 36 TL : 135TH)
- Mã học phần: 151050
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin

### **1. Mô tả học phần**

Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi DN; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản để: quyết định đúng lựa chọn tiêu dùng; phân tích được cung cầu hàng hóa trên thị trường; phân tích hành vi của người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường; có thể đưa ra được các quyết định để tối đa hóa mục tiêu trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh
- CO2: Người học có những kỹ năng cơ bản trong: lựa chọn tiêu dùng nhằm tối

ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách; Khảo sát được tình hình về sản phẩm, về thị trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp để có thể đưa ra được các quyết định trong sản xuất trong Môi cấu trúc thị trường; Phân tích được vai trò và những quyết định của chính phủ trong nền kinh tế..

- CO3: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực để nắm vững nội dung của học phần. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề kinh tế liên quan đến môn học đang diễn ra trên thực tế.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có khả năng vận dụng các lý thuyết hành vi người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh..

- CLO2: Có khả năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế (chi phí doanh thu lợi nhuận) trong phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- CLO3: Tự xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp với ngành nghề và thị trường.

- CLO4: Lập kế hoạch và điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để tối đa hóa mục tiêu của các tác nhân kinh tế.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nền kinh tế và kinh tế học	2	2				9
Những vấn đề cơ bản về cung và cầu	4	6				19.5
Cơ giãn cung cầu và chính sách của CP	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi NTD	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi của hãng KD	6	7				28.5
Cấu trúc thị trường sản phẩm	6	9				31.5
Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh	3	5				16.5
Vai trò của Chính phủ trong nền KTTT	2	2				9
<b>Tổng cộng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>				<b>135</b>

## 5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn ( <i>sinh viên đủ đk làm BTL</i> )	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Tài liệu dạy học

### 8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2017), *Giáo trình Kinh tế vi mô I*, NXB Tài Chính

## **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[1]. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), *Giáo trình kinh tế học tập 1*, NXB ĐHKQTĐ

[2]. Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn (2020), *Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô*, NXB ĐHKQTĐ

[3]. Nguyễn Văn Dân (2009), *Kinh tế học vi mô*, NXB Tài Chính.

## **20. KINH TẾ VĨ MÔ**

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL, BT )

- Mã học phần: 151.061

- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

### **1. Mô tả học phần**

Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản về kinh tế học vĩ mô bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học hiểu rõ được bản chất của kinh tế học, kinh tế học vĩ mô, các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu (chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập và chính sách kinh tế đối ngoại), từ đó có thể vận dụng đối chứng các chính sách trong từng giai đoạn nền kinh tế đang thực hiện.

- CO2: Người học phân biệt rõ tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), biết cách tính các chỉ tiêu kinh tế khác, từ đó vận dụng tính các chỉ tiêu đó trong thực tiễn Việt Nam.

- CO3: Người học hiểu được bản chất tổng cung, tổng cầu, mức cung tiền, mức cầu tiền, thất nghiệp, lạm phát, lợi thế tuyệt đối, lợi thế tương đối, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế; Từ đó vận dụng trong thực tiễn để đánh giá, phân tích được thực tiễn vấn đề kinh tế đang diễn ra.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên hiểu được phương thức điều tiết kinh tế của chính phủ và các chính sách của nhà nước nhằm ổn định nền kinh tế. Đặc biệt đánh giá được nền kinh tế thông qua tổng sản phẩm quốc dân và tăng trưởng kinh tế.

- CLO2: Sinh viên Tính toán các chỉ tiêu GDP, GNP trong một quốc gia từ đó

có những đánh giá về sự thay đổi của quốc gia trong từng năm.

- CLO3: Hiểu rõ khái niệm và xây dựng được mô hình tổng cầu trong nền KT giản đơn, nền kinh tế mở, nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ. Kỹ năng phân tích thực trạng biến động nền kinh tế và sự vận dụng chính sách tài khóa trong điều tiết nền kinh tế của Chính phủ.

- CLO4: Sinh viên hiểu và giải thích được ngân hàng nhà nước làm thế nào để tạo ra tiền và các chính sách NHTW sử dụng trong bối cảnh từng thời kỳ nền kinh tế.

- CLO5: Sinh viên hiểu và giải thích được thương mại quốc tế từ giai đoạn cổ điển đến nay. Những lợi ích mà thương mại quốc tế mang lại cho các quốc gia; chế độ quy đổi giữa đồng nội tệ và ngoại tệ

- CLO6: Sinh viên có kiến thức về tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp; mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp.

- CLO7: Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Chương 1: Nhập môn kinh tế học vĩ mô	2	2				9
Chương 2: Mục tiêu và công cụ chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô	2	2				9
Chương 3: Hạch toán tổng sản phẩm quốc dân	3	2	1			10.5
Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khóa	6	7	4			31.5
Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ	6	7	4			31.5
Chương 6: Tổng cầu và tổng cung	2	2				9
Chương 7: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	4	3				31,5
Chương 8: Thất nghiệp và lạm phát	2	2				<b>9</b>
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>9</b>			<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7	
2	Viết	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5,6	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2,3,4,5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm	Trên máy tính	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn ( <i>sinh viên đủ đk làm BTL</i> )	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có TL số 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.
- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.



## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

1. Nguyễn Văn Dân, Đỗ Thị Thục, *Giáo trình Kinh tế vĩ mô I*, NXB Tài Chính, 2018.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

2. Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công, *Giáo trình kinh tế học tập 2*, NXB ĐHKQTĐ, 2017.

3. Nguyễn Văn Ngọc, Hoàng Yên, *Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô*, NXB ĐHKQTĐ, 2009.

## **21. QUẢN TRỊ HỌC/ MANAGING SCHOOL SUBJECTS**

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 26TL; 10TH\*)

- Mã học phần: 154090

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những ứng dụng thực tế trong tổ chức về công tác quản trị bao gồm: Tổng quan về hoạt động quản trị, nhà quản trị; Sự hình thành và phát triển của quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Các chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về quản trị tổ chức; có năng lực phù hợp về quản trị tổ chức trong môi trường cạnh tranh toàn cầu;

- CO2: Người học được trang bị các kiến thức và áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động quản trị tổ chức.

- CO3: Người học có thể thực hiện các hoạt động quản trị tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu được những nội dung cơ bản và có hệ thống về Quản trị của tổ chức

- CLO2: Phân tích được môi trường quản trị; hiểu được các hoạt động quản trị; vận dụng được kiến thức của quản trị học để đánh giá và lựa chọn hoạt động quản trị phù hợp cho tổ chức

- CLO3: Tổ chức thực hiện và điều chỉnh hoạt động quản trị tổ chức

- CLO4: Thực hiện các kỹ năng quản trị; kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh; kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra cho các tổ chức trong thực tế.

- CLO5: Có kỹ năng tư duy phản biện thông qua việc phân tích, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức

- CLO6: Người học đủ năng lực để thực hiện được công việc quản trị cho một tổ chức; Người học đủ năng lực kiến thức để theo học các học phần chuyên ngành và tự nghiên cứu thêm về các tài liệu chuyên sâu về QTKD.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Thực hành	Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)						
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập				
<b>Nội dung 1:</b> Tổng quan về quản trị	4	3					12
<b>Nội dung 2:</b> Lịch sử hình thành và phát triển các lý thuyết về quản trị	3	4					12
<b>Nội dung 3:</b> Môi trường quản trị	4	3					12
<b>Nội dung 4:</b> Thông tin và quyết định trong quản trị	4	3		3			18
<b>Nội dung 5:</b> Chức năng hoạch định	4	4		2			15
<b>Nội dung 6:</b> Chức năng tổ chức	3	3		2			18
<b>Nội dung 7:</b> Chức năng lãnh đạo	3	3		2			30
<b>Nội dung 8:</b> Chức năng kiểm tra	2	3		3			18
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>26</b>		<b>10*</b>			<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2 CLO3	30%

			CLO4	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5,6	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định ( <i>sinh viên đủ đk làm BTL</i> )	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. TS. Đoàn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2009), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Đại học KTQD.

### 8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Hải Sản (2005), *Quản trị học*, Thống kê.  
3. TS. Nguyễn Thị Liên Diệp, TS. Trần Anh Minh (2012), *Quản trị học*, NXB VHVN.

## **20. Chọn 1 trong 2 học phần**

### **22 a. PHÁP LUẬT VỀ DU LỊCH/LAWS IN TOURISM**

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 6TH)
- Mã học phần: 127011
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần được thiết kế để cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật trong lĩnh vực du lịch. Bao gồm: sự hình thành hệ thống pháp luật về du lịch; nguyên tắc, cách thức xây dựng văn bản pháp luật du lịch; nguyên tắc áp dụng các văn bản pháp luật trong lĩnh vực du lịch; hệ thống các văn bản pháp luật về du lịch hiện hành ở Việt Nam, gồm có: Luật Du lịch và hệ thống văn bản pháp luật về du lịch hiện hành.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học hiểu được các kiến thức chuyên sâu về hệ thống pháp luật về du lịch ở Việt Nam
- CO2: Giúp người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, trình bày, viết báo cáo, thuyết trình các vấn đề những quy định của pháp luật trong lĩnh vực du lịch, soạn thảo các loại văn bản pháp luật trong lĩnh vực du lịch.
- CO3: Giúp người học có ý thức kỷ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong mọi hoạt động

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- **CLO1:** Sinh viên hiểu rõ và trình bày được lịch sử hình thành hệ thống pháp luật về du lịch ở Việt Nam như sự hình thành các chế định pháp luật về du lịch đầu tiên trong Hiến pháp, các Luật du lịch và các văn bản pháp luật khác .
- **CLO2:** Vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật để thực hiện các quy trình, thủ tục pháp lý trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động du lịch.
- **CLO3:** Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế; Có kỹ năng soạn thảo các loại văn bản pháp luật nói chung, văn bản pháp luật trong lĩnh vực du lịch nói riêng.
- **CLO4:** Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong mọi hoạt động với tư cách cá nhân hoặc đại diện cho tổ chức khi tham gia các hoạt động du lịch. Có ý thức kỷ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Đại cương về Pháp luật Du lịch	2	0	0		10	
Nội dung 2. Quy chế pháp lý về khách du lịch	2	2	1		10	
Nội dung 3. Quy chế pháp lý về tài nguyên du lịch	2	2	0		5	
Nội dung 4. Quy chế pháp lý về điểm du lịch, khu du lịch	2	2	0		10	
Nội dung 5. Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch	2	2	1		10	
Nội dung 6. Quy chế pháp lý về hướng dẫn viên du lịch	2	2	1		10	
Nội dung 7. Quy chế pháp lý về xúc tiến và hỗ trợ phát triển du lịch	1	2	1		10	
Nội dung 8. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch	2	0	2		10	
Nội dung 9. Quản lý nhà nước về du lịch	1	0	2		5	
Nội dung 10. Hợp đồng du lịch và các văn bản hành chính trong lĩnh vực du lịch	2	0	4		10	
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	<b>12</b>		<b>90</b>	

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài liệu tham khảo, từ đó người học có

thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

## 6. Đánh giá kết quả học tập

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1,2,3,4	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### **Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

[1]. Luật Du lịch (2006), Nxb CTQG.

### **Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Văn Lưu (2013), *Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN*, Nxb VH-TT.

[2]. Bùi Thị Hải Yến, (2013) *Quy hoạch Du lịch*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## **22b. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH/STATE MANAGEMENT OF TOURISM**

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 6TH)
- Mã học phần: 127025
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần được thiết kế để cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Bao gồm chủ thể, đối tượng quản lý nhà nước về du lịch; cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; các nội dung quản lý nhà nước về du lịch như quản lý chiến lược du lịch, quản lý tài nguyên du lịch và xác định tuyến, điểm, khu, đô thị du lịch, quản lý hoạt động kinh doanh du lịch, quản lý tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động du lịch.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học hiểu được các kiến thức chuyên sâu về hệ thống pháp luật về du lịch ở Việt Nam
- CO2: Giúp người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, trình bày, viết báo cáo, thuyết trình các vấn đề những quy định của pháp luật trong lĩnh vực du lịch, soạn thảo các loại văn bản pháp luật trong lĩnh vực du lịch.
- CO3: Giúp người học có ý thức kỷ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong mọi hoạt động

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- **CLO1:** Sinh viên hiểu rõ và trình bày được các vấn đề cơ bản trong hoạt động quản lý nhà nước về du lịch như: chủ trương, đường lối phát triển du lịch của Đảng, Nhà nước; chủ thể, đối tượng quản lý; hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.
- **CLO2:** Sinh viên hiểu được vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, công chức nhà nước các cấp trong hoạt động quản lý nhà nước về du lịch. Vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật để thực hiện các quy trình, thủ tục pháp lý trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động du lịch.
- **CLO3:** Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế; Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình các vấn đề trong quản lý nhà nước về du lịch. Có ý thức kỷ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.
- **CLO4:** Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong mọi hoạt động với tư cách cá nhân hoặc đại diện cho tổ chức khi tham gia các hoạt động du lịch.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Khái niệm quản lý nhà nước về du lịch	2	2	0			10
Nội dung 2. Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch ở Việt Nam hiện nay	2	0	0			10
Nội dung 3. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam	2	2	2			10
Nội dung 4. Hệ thống các văn bản pháp luật về du lịch hiện hành ở Việt Nam	2	2	0			10
Nội dung 5. Quản lý nhà nước về kinh doanh du lịch	2	2	2			10
Nội dung 6. Quản lý nhà nước về hướng dẫn du lịch	2	2	2			10
Nội dung 7. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch	1	2	2			15
Nội dung 8. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng du lịch và các văn bản hành chính trong lĩnh vực du lịch	2	0	4			15
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	<b>12</b>			<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài liệu tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ



nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

## 6. Đánh giá kết quả học tập

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubric kiểm tra giữa kì	CLO1,2,3,4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

(Phụ lục rubric đánh giá kèm theo)

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc*

[1]. Trường cán bộ Thanh tra Nhà nước (1997), *Một số vấn đề về quản lý nhà nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

[1]. Luật du lịch (2006), Nxb Chính trị Quốc gia

[2]. Nguyễn Văn Lưu (2013), *Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN*, Nxb VH –TT.

## II. KIẾN THỨC NGÀNH

### 23. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN/PRINCIPLES OF ACCOUNTING

- Số tín chỉ: 03(27LT: 27TL: 9TH\*)
- Mã học phần: 153.105
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### 1. Mô tả học phần (*Mô tả tóm tắt nội dung học phần*)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán, khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

#### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán, vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp.

- CO2: Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

#### 3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có khả năng tổ chức lập và luân chuyển chứng từ kế toán tại đơn vị, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.

- CLO2: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình mua hàng.

- CLO3: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình sản xuất

- CLO4: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình bán hàng.

- CLO5: Người học có khả năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức hệ thống sổ kế toán tại đơn vị.

- CLO6: Người học có khả năng lập báo cáo kế toán (bảng cân đối kế toán dạng đơn giản) phản ánh tổng quát tình hình tài chính của đơn vị.

- CLO7: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán	2	2	0			10
Phương pháp chứng từ kế toán	3	3	0	1		15
Phương pháp tài khoản kế toán	5	5	2	2		20
Phương pháp tính giá	3	4	0	1		15
Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán	4	3	2	1		25
Hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu	6	6	2	4		35
Sổ kế toán- Hình thức kế toán- Tổ chức công tác kế toán	4	4	2			15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>12</b>	<b>9</b>		<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ	STT	Hình thức đánh giá
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO7	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5,6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%

1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
<b>Thi cuối kì</b>				50%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Đoàn Xuân Tiên, *Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính, 2014.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính, *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính, năm 2015

2. Võ Văn Nghị, *Hệ thống bài tập trắc nghiệm Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính, 2018.

## 24. QUẢN TRỊ LỄ TÂN KHÁCH SẠN/ HOTEL FRONT OFFICE MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 18TL, 18TH)
- Mã học phần: 127080
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Học phần giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận về quản trị tác nghiệp lễ tân khách sạn và có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế trong hoạt động phục vụ trực tiếp tại bộ phận lễ tân. Qua đó, học phần trang bị cho người học những kiến thức về quy trình phục vụ, các kỹ năng và tiêu chuẩn phục vụ của lễ tân khách sạn; các hoạt động tổ chức và quản lý quá trình phục vụ của bộ phận lễ tân khách sạn

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giúp người học hiểu được các kiến thức chuyên sâu về tổ chức hoạt động tại bộ phận lễ tân khách sạn.

- CO2: Giúp người học có kỹ năng giao tiếp, tương tác chuyên nghiệp với khách hàng và đồng nghiệp; có khả năng xử lý các tình huống; biết cách sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc tại bộ phận lễ tân khách sạn.

- CO3: Giúp người học có kỹ năng về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát tại bộ phận lễ tân khách sạn.

- CO4: Giúp người học nhận thức đúng về nội dung hoạt động tại bộ phận lễ tân khách sạn, có tác phong chuyên nghiệp và ý thức được văn hóa phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- **CLO1:** Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các chức danh tại bộ phận lễ tân. Trình bày và thực hiện được quy trình phục vụ khách tại bộ phận lễ tân khách sạn. Phân tích được kết quả kinh doanh tại bộ phận lễ tân khách sạn và hoạch định kế hoạch kinh doanh cho bộ phận

- **CLO2:** Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp với khách và đồng nghiệp. Xử lý được các tình huống có thể xảy ra tại bộ phận lễ tân khách sạn. Thành thạo trong thao tác và sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc tại bộ phận lễ tân khách sạn.

- **CLO3:** Thực hiện được kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin. Thực hiện được kỹ năng giới thiệu, bán sản phẩm, dịch vụ du lịch, chăm sóc khách hàng tại bộ phận lễ tân khách sạn

- **CLO4:** Có nhận thức đúng về nội dung hoạt động của bộ phận lễ tân khách sạn. Có tác phong chuyên nghiệp và ý thức được văn hóa phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

- **CLO5:** Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Chương 1: Giới thiệu bộ phận lễ tân	5	3	0	0	0	25
Chương 2. Đặt buồng	5	3	0	4	0	25
Chương 3. Thủ tục nhận buồng và đăng ký khách	5	3	0	4	0	25
Chương 4. Giao tiếp với khách lưu trú tại khách sạn	4	3	0	4	0	20

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Chương 5. Thanh toán chi phí của khách và thu ngân	4	3	0	3	0	20
Chương 6. Tiếp thị và bán hàng tại bộ phận lễ tân	4	3	0	3	0	20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Giảng theo tình huống thực tế:** Sinh viên tìm hiểu, phân tích các tình huống thực tế thực tế và đóng vai.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

- **Thảo luận nhóm để phân tích tình huống:** Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm để phân tích tình huống. Tình huống sẽ cho dưới dạng văn bản, hoặc video thể hiện 1 tình huống cần giải quyết liên quan đến hoạt động du lịch. Mỗi nhóm có thể tập hợp từ 5 đến 7 sinh viên. Các chủ đề do giảng viên phân công tùy theo tình hình thực tế, số lượng sinh viên.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,4	

3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Tự luận	Rubric kiểm tra giữa kỳ	CLO 1,2,3,4	
<b>Thi cuối kỳ</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

### **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

#### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

B1. Nguyễn Thị Tú, (2005), *Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*. NXB Thống kê

#### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

T1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

T2. Tổng cục du lịch. *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Lễ tân*. Bộ văn hoá thể thao du lịch. 2015.

## **25. QUẢN TRỊ BUỒNG KHÁCH SẠN/ HOTEL HOUSEKEEPING MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 18TL, 18TH)
- Mã học phần: 127081
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Quản trị buồng khách sạn là một học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị khách sạn. Học

phần này trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về các tiêu chuẩn, quy trình phục vụ buồng, các kỹ năng quản lý điều hành bộ phận phục vụ buồng khách sạn trong quá trình thao tác các nội dung công việc tác nghiệp cũng như vận hành và quản lý các hoạt động của bộ phận phục vụ buồng khách sạn. Ngoài ra, học phần nhằm giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận và có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế quản lý một bộ phận phục vụ buồng của một khách sạn cụ thể.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học hiểu được các kiến thức chuyên sâu về tổ chức hoạt động tại bộ phận buồng khách sạn.

- CO2: Giúp người học có kỹ năng giao tiếp, tương tác chuyên nghiệp với khách hàng và đồng nghiệp; có khả năng xử lý các tình huống; biết cách sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc tại bộ phận buồng trong khách sạn.

- CO3: Giúp người học có kỹ năng về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát tại bộ phận buồng khách sạn.

- CO4: Giúp người học nhận thức đúng về nội dung hoạt động tại bộ phận buồng khách sạn, có tác phong chuyên nghiệp và ý thức được văn hóa phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

*Học xong môn học này, sinh viên làm được (đạt được):*

- **CLO1:** Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các chức danh tại bộ phận buồng khách sạn. Trình bày và thực hiện được quy trình phục vụ khách tại bộ phận buồng khách sạn. Phân tích được kết quả kinh doanh tại bộ phận buồng khách sạn và hoạch định kế hoạch kinh doanh cho bộ phận.

- **CLO2 :** Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp với khách và đồng nghiệp. Xử lý được các tình huống có thể xảy ra tại bộ phận buồng khách sạn. Thành thạo trong thao tác và sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc tại bộ phận buồng khách sạn.

- **CLO3 :** Thực hiện được kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin. Thực hiện được kỹ năng giới thiệu, bán sản phẩm, dịch vụ du lịch, chăm sóc khách hàng tại bộ phận buồng khách sạn.

- **CLO4:** Có nhận thức đúng về nội dung hoạt động của bộ phận buồng khách sạn. Có tác phong chuyên nghiệp và ý thức được văn hóa phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

- **CLO5:** Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học



#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Chương 1. Tổng quan về kinh doanh lưu trú và các loại hình cơ sở kinh doanh lưu trú	3	2	0	0	0	20
Chương 2. Bộ phận buồng trong các cơ sở kinh doanh lưu trú.	3	2	0	0	0	15
Chương 3. Kế hoạch kinh doanh buồng và tổ chức lao động trong bộ phận buồng.	3	2	0	3	0	15
Chương 4. Quản lý công tác phục vụ buồng.	3	2	0	3	0	15
Chương 5. Quản lý hàng vải, hàng đặt và hóa chất vệ sinh công nghiệp	3	2	0	3	0	15
Chương 7. An ninh an toàn và kiểm soát côn trùng	3	2	0	3	0	15
Chương 8. Quản lý chất lượng dịch vụ buồng	3	2	0	3	0	15
Chương 9. Đánh giá hiệu quả hoạt động bộ phận buồng	3	2	0	3	0	15
Tổng	27	18	0	18	0	135

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Giảng theo tình huống thực tế:** Sinh viên tìm hiểu, phân tích các tình huống thực tế thực tế và đóng vai.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với

giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

- **Thảo luận nhóm để phân tích tình huống:** Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm để phân tích tình huống. Tình huống sẽ cho dưới dạng văn bản, hoặc video thể hiện 1 tình huống cần giải quyết liên quan đến hoạt động du lịch. Mỗi nhóm có thể tập hợp từ 5 đến 7 sinh viên. Các chủ đề do giảng viên phân công tùy theo tình hình thực tế, số lượng sinh viên.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO 1,2,3,4	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO 1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

1. Nguyễn Quyết Thắng (2005), *Quản trị buồng: Từ lý thuyết đến thực tế*. NXB Tài Chính.

### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

2. Tổng cục du lịch. *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Phục vụ buồng*. Bộ văn hoá thể thao du lịch. 2015.

## **26. QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG/ RESTAURANT MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03 ( 27 LT, 18 TL, 18 TH)

- Mã học phần: 127082

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch

- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng các trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng, vệ sinh, an toàn và an ninh trong kinh doanh ăn uống, kỹ thuật phục vụ ăn uống, tổ chức và phục vụ các loại tiệc, chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống, tổ chức lao động và kỹ năng quản trị, điều hành, giám sát trong nhà hàng

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về nhà hàng, vai trò và các loại hình kinh doanh nhà hàng

- CO2: Thực hiện tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động của nhà hàng

- CO3: Quản lý, điều hành hoạt động nhà hàng

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Vận dụng những kiến thức để thực hiện thao tác kỹ thuật phục vụ ăn uống trong nhà hàng, các bữa ăn thường, ăn tiệc Âu và Á

- CLO2: Tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động nhà hàng.

- CLO3: Khả năng vận hành, quản lý và làm việc trong các nhà hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng sao theo tổng cục du lịch và tiêu chuẩn quốc tế.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng	3	2	0	0	0	6
Trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng	4	4	0	0	0	120
Vệ sinh an toàn, an ninh trong kinh doanh ăn uống	4	6	0	5	0	235
Kỹ thuật phục vụ ăn uống	4	2	0	4	0	125
Tổ chức và phục vụ các loại tiệc	3	2	0	0	0	125
Chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống	5	2	0	0	0	130
Tổ chức lao động và kỹ năng điều hành giám sát trong nhà hàng	4	0	0	5		
Thực tế tại nhà hàng	0	0	0	9		
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	

<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**\*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1. Vũ Thị Hòa (Chủ biên) (2012), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng*, NXB Lao động Hà Nội.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Vũ Thị Hòa (2012). *Bài giảng thực hành nghiệp vụ nhà hàng (lưu hành nội bộ)*. NXB Lao động Hà Nội.

2. Tổng cục du lịch Việt Nam, (2018), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, Nghiệp vụ nhà hàng*. (VTOS).

## 27. VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM/VIETNAM CUISINE CULTURE

- Số tín chỉ: 03 (15LT, 60TH)
- Mã học phần: 127064
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:*

Trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về ẩm thực truyền thống Việt Nam. Trong đó bao gồm: nền tảng của ẩm thực Việt Nam, những quan niệm và chuẩn mực trong ẩm thực của người Việt, nghệ thuật ẩm thực của người Việt, ẩm thực các vùng miền; ẩm thực của các dân tộc ít người tiêu biểu ở Việt Nam. Đồng thời, phân biệt được khẩu vị ẩm thực của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam. Vấn đề giao lưu văn hóa ẩm thực và vai trò của ẩm thực đối với phát triển du lịch.

## **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Sinh viên trình bày và nắm vững khái niệm liên quan đến ẩm thực, ẩm thực truyền thống, mối quan hệ giữa ẩm thực và văn hóa, du lịch.

- CO2: Phân tích được các nguyên liệu sử dụng trong món ăn truyền thống Việt Nam; Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của từng vùng miền trên cả nước; Tính khoa học trong việc phối hợp nguyên liệu và chế biến món ăn Việt Nam;

- CO3: Phân tích được vai trò của ẩm thực đối với sự phát triển du lịch của từng vùng miền. Nhận diện được tập quán, khẩu vị món ăn của từng vùng miền, lựa chọn thực đơn phù hợp cho khách du lịch.

- CO4: Hình thành ý thức tôn trọng ẩm thực của quốc gia; có ý thức giữ gìn món ăn truyền thống dân tộc, ý thức trong việc phục vụ và giới thiệu món ăn đến du khách.

## **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Hệ thống hóa và trình bày được các khái niệm liên quan đến văn hóa, văn hóa ẩm thực; phân tích được mối quan hệ giữa ẩm thực truyền thống với điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử, xã hội của dân tộc.

- CLO2: Trình bày một số nguyên tắc cơ bản trong chế biến món ăn truyền thống của người Việt. Đồng thời, phân biệt được khẩu vị ẩm thực của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam. Chỉ ra tính khoa học và nghệ thuật trong việc phối hợp nguyên liệu và chế biến món ăn Việt Nam;

- CLO3: Phân tích và làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của từng vùng miền trên cả nước; và quá trình giao lưu ẩm thực với các nước trên thế giới; các món ăn đặc trưng của từng vùng miền, quốc gia phục vụ cho phát triển du lịch

- CLO4: Nhận diện các món ăn đặc sản vùng miền, lựa chọn thực đơn phù hợp đáp ứng được tâm lý du khách. Hình thành kỹ năng thuyết trình, giới thiệu về món ăn theo vùng miền. Vận dụng lý thuyết về văn hóa ẩm thực để đưa ra các giải pháp phát triển du lịch cho từng địa phương

- CLO5: Hình thành ý thức, quan điểm đúng đắn về việc bảo vệ, gìn giữ và phát huy văn hóa ẩm thực của các vùng miền. Hình thành thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập.

#### 4. Nội dung của học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận, TH	Bài tập	Khác	
Nội dung 1 : Một số vấn đề chung về văn hóa ẩm thực	1	0	0	0	20
Nội dung 2: Nền tảng của ẩm thực Việt Nam	3	10	10	0	20
Nội dung 3: Các bữa ăn của người Việt và nghệ thuật ẩm thực của người Việt	3	20	20	0	25
Nội dung 4: Ẩm thực các vùng miền của Việt Nam	3	20	20	0	25
Nội dung 5: Giao lưu văn hóa ẩm thực	3	10	10	0	25
Nội dung 6: Vai trò của ẩm thực đối với phát triển du lịch	2	0	0	0	20
<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập cá nhân.

#### 6. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

### **8. 1 Giáo trình chính**

[1]. Nguyễn Thị Huệ (2012), *Văn hóa ẩm thực Việt Nam*, NXB Thời Đại, Hà Nội.

### **8. 2 Tài liệu tham khảo**

[1]. Mai Khôi (2000), *Văn hoá ẩm thực Việt Nam – Các món ăn miền Trung*, NXB Thanh Niên.

[2]. Lò Ngọc Quyên (2012), *Văn hóa ẩm thực dân gian*, Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

## **28. NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP TRONG DU LỊCH/ THE ART OF COMMUNICATION IN TOURISM**

- Số tín chỉ: 03 (15LT, 0, 60TH)
- Mã học phần: 127058
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp một số vấn đề cơ bản về hoạt động giao tiếp, về nghệ thuật giao tiếp ứng xử, một số nghi thức giao tiếp tiêu biểu, về tâm lý và tập quán giao tiếp của một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, phân tích tâm lý du khách theo lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, theo quốc gia, châu lục. Phân tích một số hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến hoạt động du lịch. Cung cấp những kỹ năng giao tiếp trong du lịch, những phẩm chất cần có của một nhân viên làm việc



trong lĩnh vực du lịch.

*Năng lực đạt được:* Sau khi học xong, sinh viên có hiểu biết cơ bản về các bước cơ bản trong giao tiếp, có khả năng thực hành kỹ năng giao tiếp trong một số lĩnh vực như nhà hàng, khách sạn. Có kỹ năng xử lý các tình huống trong giao tiếp. Nắm bắt được tâm lý khách hàng theo lứa tuổi, nghề nghiệp và theo các quốc gia tiêu biểu.

## **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Hệ thống kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, nghệ thuật giao tiếp ứng xử và tâm lý du khách trong giao tiếp; đồng thời cung cấp những kỹ năng giao tiếp trong du lịch, những phẩm chất cần có của một nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch.

- CO2: Xác lập được bản chất của giao tiếp, phân tích được đặc điểm tâm lý, và tập quán của con người trong quá trình giao tiếp,

- CO3: Phân tích được những trở ngại trong quá trình giao tiếp và phương pháp khắc phục những trở ngại.

- CO4: Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp văn minh của một nhân viên du lịch. Phân tích, tổng hợp, đánh giá để giải quyết tốt các tình huống xảy ra trong công tác du lịch.

## **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Phân tích được các bước và các vai trò cơ bản của quá trình giao tiếp. Sử dụng ngôn ngữ giao tiếp thông qua ngôn ngữ nói, ngôn ngữ biểu cảm, ngôn ngữ viết.

- CLO2: Tạo lập được ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, những yếu tố đảm bảo sự thành công trong giao tiếp. Trình bày được các nghi lễ tiêu biểu để đón tiếp, tâm lý, sở thích, thói quen và cách làm hài lòng khách đến từ các nước trên thế giới.

- CLO3: Nắm vững được các bước cơ bản trong quá trình phục vụ và bán những dịch vụ, hàng hóa cho khách hàng. Đồng thời, có kiến thức và kỹ năng trong sử dụng điện thoại, gửi công văn, thư tín, gửi danh thiếp, gửi fax và giao tiếp qua internet. Phân tích được vai trò của hoạt động giao tiếp trong du lịch, nắm vững và thực hành được các kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động du lịch.

- CLO4: Hình thành thái độ, đạo đức ý thức tôn trọng khách hàng thông qua cử chỉ, hành động và lời nói; ý thức trong việc phục vụ chu đáo làm hài lòng khách hàng. Hình thành thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập, giao tiếp và xử lý được tình huống trong hoạt động du lịch.

#### 4. Nội dung của học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận, TH	Bài tập	Khác	
<b>Nội dung 1:</b> Một số vấn đề cơ bản trong hoạt động giao tiếp	2	10	0		15
<b>Nội dung 2:</b> Nghệ thuật giao tiếp ứng xử	2	10	0		15
<b>Nội dung 3:</b> Một số nghi thức tiêu biểu	2	10	0		20
<b>Nội dung 4:</b> Tập quán giao tiếp và Tâm lý du khách theo quốc gia, dân tộc	2	10	0		20
<b>Nội dung 5:</b> Tâm lý giao tiếp theo giới tính, lứa tuổi và nghề nghiệp	2	10	0		25
<b>Nội dung 6:</b> Giao tiếp trong du lịch	2	0	0		20
<b>Nội dung 7:</b> Nghệ thuật phục vụ khách sạn 5 sao	3	10	0		20
<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận nhóm, xử lý tình huống,...

#### 6. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO2	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
				50%

1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

### **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### **8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

#### **8.1. Giáo trình**

[1]. Thế Hùng (2013). Văn hoá ứng xử, kỹ năng giao tiếp thành công. NXB Giao thông vận tải.

#### **8.2. Tài liệu tham khảo**

[1]. Joe Vitale (Phúc Lâm dịch) (2019), *Thôi miên bằng ngôn từ*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

[2]. Dale Carnegie (Nguyễn Hiến Lê dịch) (2019), *Đắc Nhân Tâm*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội

## **29. THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ KHÁCH SẠN/ INTERSHIP ON HOTEL OPERATION**

- Số tín chỉ: 03 ( 90 TH)
- Mã học phần: 127083
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Thực hành nghiệp vụ khách sạn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị khách sạn định hướng

ngành nghiệp. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các nghiệp vụ khách sạn như nghiệp vụ lễ tân, phục vụ buồng, bàn, bar. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với các vị trí nhân viên trong các cơ sở kinh doanh lưu trú.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giúp người học nắm bắt các kiến thức thực tiễn về nghiệp vụ khách sạn
- CO2: Giúp người học thực hành và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, tương tác chuyên nghiệp với khách hàng và đồng nghiệp; xử lý được các tình huống khi phục vụ khách hàng; sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc tại khách sạn.
- CO3: Giúp người học nhận thức đúng về nội dung hoạt động của các bộ phận kinh doanh trong khách sạn, có tác phong chuyên nghiệp và ý thức được văn hóa phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- **CLO1:** Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các chức danh tại các loại cơ sở kinh doanh lưu trú. Trình bày và thực hiện được quy trình phục vụ khách trong khách sạn.

- **CLO2:** Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp với khách và đồng nghiệp. Xử lý được các tình huống xảy ra trong quá trình phục vụ khách tại khách sạn. Thành thạo trong thao tác và sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc trong khách sạn.

- **CLO3:** Có nhận thức đúng về nội dung hoạt động của bộ phận lễ tân khách sạn. Có tác phong chuyên nghiệp và ý thức được văn hóa phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	0	0	0	30	0	45
Nội dung 2. Thực hành nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn	0	0	0	30	0	45
Nội dung 3. Thực hành nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	0	0	0	30	0	45
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm và lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra. Trong quá trình sinh viên thực hành tại các doanh nghiệp, có sự hướng dẫn theo phương pháp «cầm tay chỉ việc» nhân viên có kinh nghiệm, giảng viên luôn sát sao theo dõi và sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào của sinh viên.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Thực hành tại chỗ
- Báo cáo thu hoạch thực tế

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2	20%
2	Thực hành tại chỗ (Nghệ vụ lễ tân, bàn, buồng)	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,2	50%
3	Báo cáo thu hoạch thực tế	Rubric đánh giá báo cáo thực tế	CLO1,3	30%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ chuyên thực địa, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành báo cáo thực tế.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc*

B1. Nguyễn Thị Tú (2005), *Nghệ vụ phục vụ khách sạn*, NXB Thống kê

### *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

T1. Tổng cục du lịch (2015), *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Lễ tân*. Bộ văn hoá thể thao du lịch.

T2. Tổng cục du lịch (2015), *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Phục vụ buồng*. Bộ văn hoá thể thao du lịch.

T3. Tổng cục du lịch Việt Nam (2015), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam: Nghệ vụ nhà hàng*.

### **30. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH/ SPECIALIZED ENGLISH**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 0, 36TH)
- Mã học phần: 133054
- Bộ môn quản lý học phần: VNH-DL
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong khách sạn, nhà hàng. Học phần được chia thành các chủ đề là các tình huống giao tiếp trong nhà hàng khách sạn như: đặt giữ chỗ khách sạn, nhà hàng, làm thủ tục check in, check out và thành toán cho khách. Ngoài ra, người học còn được thực tập giải quyết các tình huống thực tế trong ngành nhà hàng và khách sạn bằng tiếng Anh.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học bổ sung vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành du lịch khách sạn, từ đó vận dụng vào giao tiếp trong môi trường làm việc tại khách sạn, nhà hàng, đồng thời giúp sinh viên đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này.
- CO2: Giúp người học có kỹ năng giao tiếp, xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực khách sạn, nhà hàng bằng tiếng Anh.
- CO3: Giúp người học nhận thức được vai trò của tiếng Anh trong hoạt động du lịch, có ý thức tự học, tự trau dồi ngoại ngữ.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu nhớ các vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành du lịch khách sạn; Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này;
- CLO2: Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh với khách hàng, xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực khách sạn, nhà hàng;
- CLO3: Thái độ tự tin và linh hoạt khi tham gia vào các cuộc thảo luận, giao tiếp và làm việc nhóm bằng tiếng Anh; Nhận thức được vai trò của tiếng Anh trong hoạt động du lịch, có ý thức tự học, tự trau dồi ngoại ngữ; Xây dựng kế hoạch phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của nghề.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Jobs in hotel and restaurant	3	0	0	4	0	15
Bài 2. Making a reservation	3	0	0	4	0	15
Bài 3: Hotel check in	3	0	0	4	0	15
Bài 4: Providing hotel services and facilities	3	0	0	4	0	15
Bài 5: Receiving guests in a restaurant	3	0	0	4	0	15
Bài 6: Taking order and serving meal	3	0	0	4	0	15
Bài 7: Problems and requests while dining	3	0	0	4	0	15
Bài 8. Settling the bill in restaurant	3	0	0	4	0	15
Bài 9: Checking out	3	0	0	4	0	15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Giảng theo tình huống thực tế:** Sinh viên tìm hiểu, phân tích các tình huống thực tế thực tế và đóng vai.

#### 6. Đánh giá kết quả học tập

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3	
3	Thực hành	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,2,3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kỳ	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Thi trắc nghiệm	Rubric đánh giá bài thi trắc nghiệm/ Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### ***Giáo trình chính:***

[1]. Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 1*. NXB Tổng hợp TPHCM

### ***Tài liệu tham khảo:***

[1]. Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 2*. NXB Tổng hợp TPHCM

[2]. Nguyễn Quang. (2013), *English course for tourism*. NXB ĐH Sư phạm TP HCM.



### **31. QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN/ HOTEL BUSINESS MANAGEMENT**

- Số tín chỉ học tập: 03 (27LT, 27TL, 9TH)
- Mã học phần: 154114
- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp 1

#### **1. Mô tả học phần:**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh khách sạn, bao gồm tổng quan về kinh doanh khách sạn, cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành khách sạn, các chức năng quản trị kinh doanh trong khách sạn, tổ chức bộ máy và quản lý nhân lực trong khách sạn, .kinh doanh lưu trú và ăn uống trong khách sạn, quản lý chất lượng dịch vụ, quản trị tài chính của khách sạn.

#### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Người học tiếp cận được những kiến thức về quản trị kinh doanh khách sạn, có khả năng thiết lập, điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khách sạn. Từ đó có thể giải thích được bản chất của hoạt động kinh doanh khách sạn, sự hình thành và phát triển của các doanh nghiệp khách sạn, phân tích được các nguyên lý cơ bản và nội dung hoạt động quản trị các doanh nghiệp khách sạn
- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được một số các kỹ năng quản trị điều hành cơ bản từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Người học hiểu được kiến thức chung về quản trị kinh doanh khách sạn, những yêu cầu để quản trị kinh doanh khách sạn hiệu quả.
- CLO2: Người học sẽ nắm được cách thức tổ chức kinh doanh lưu, cách quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh, quản trị quá trình tiêu thụ sản phẩm dịch vụ khách sạn sao cho có hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, người học nắm được quá trình quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.
- CLO3: Người học có khả năng quản trị tài chính trong khách sạn du lịch, đưa ra các phương án giải quyết các vấn đề tài chính nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp.
- CLO4: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần					Tổng cộng
		Lý thuyết	T.luận, B.tập, xemina, thực tế	Tự học	Tư vấn của giáo viên	Kiểm tra đánh giá	
1	Tổng quan về kinh doanh khách sạn	4	3	15			7
2	Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành khách sạn	3	5	15		*	8
3	Các chức năng quản trị trong kinh doanh khách sạn	3	3	15		x	6
4	Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn	3	3 (6 tiết thực tế)	20		x	6
5	Quản trị thực phẩm đồ uống	3	4(3 tiết thực tế)	20		**	7
6	Tổ chức bộ máy và quản trị nhân sự khách sạn du lịch	3	2	15			5
7	Quản trị chất lượng phục vụ của khách sạn	4	2	15		*	8
8	Quản trị tài chính trong khách sạn	4	2	20		*	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>135</b>			<b>53</b>

#### 5. Phương pháp giảng dạy

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO,2,3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

## 8. Tài liệu tham khảo chính:

### 8.1 Tài liệu bắt buộc:

(1) Nguyễn Văn Mạnh & Hoàng Thị lan Hương (2013), *Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB ĐHKQTĐ.

### 8.2 Tài liệu tham khảo:

(1) Ngô Đình Giao (2001), *Giáo trình quản trị kinh doanh tổng hợp (tập 1)*, Nxb Thống kê.

(2) Trịnh Xuân Dũng (2002), *Giáo trình Quản trị khách sạn*, NXB ĐHQG Hà Nội.

## **32. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC/STRATEGY MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 26TL, 10 TH)
- Mã học phần: 154065
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp 1

### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Tổng quan về chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp; Chiến lược cấp doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh và chiến lược chức năng; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về quản trị chiến lược vào thực tiễn.
- CO2: Người học hình thành và sử dụng được các kỹ năng, các công cụ cơ bản trong việc phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược cho một doanh nghiệp cụ thể
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Người học hiểu được những nội dung cơ bản và có hệ thống về chiến lược và quản trị chiến lược của doanh nghiệp
- CLO2: Phân tích được môi trường kinh doanh; hiểu được các loại chiến lược; vận dụng được các ma trận chiến lược để đánh giá và lựa chọn chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp
- CLO3: Người học có thể tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược
- CLO4: Người học có thể thực hiện các kỹ năng hình thành tư duy chiến lược; kỹ năng tiếp cận và phân tích môi trường kinh doanh; kỹ năng lập kế hoạch chiến lược cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên thực tế.
- CLO5: Người học có thể thực hiện các kỹ năng hình thành tư duy chiến lược; kỹ năng tiếp cận và phân tích môi trường kinh doanh; kỹ năng lập kế hoạch chiến lược cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên thực tế.
- CLO6: Người học đủ năng lực để thực hiện được công việc quản trị chiến lược cho một doanh nghiệp nhỏ và vừa; Người học đủ năng lực kiến thức để theo học các học phần chuyên ngành và tự nghiên cứu thêm về các tài liệu chuyên sâu về QTKD

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược	3	3				10
Chương 2: Nhiệm vụ và Mục tiêu chiến lược kinh doanh	4	6				20
Chương 3: Phân tích đánh giá môi trường của doanh nghiệp	4	6				20
Chương 4: Xây dựng lợi thế cạnh tranh	4	3				10
Chương 5: Các cấp chiến lược của doanh nghiệp	6	4		10		15
Chương 6: Phân tích và lựa chọn chiến lược	3	3				
Chương 7: Tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược	3	3				15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>26</b>		<b>10*</b>		<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>				
1	Trắc nghiệm/ viết	Rubric bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	

2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ	CLO5	
4	<b>Tự học, trả lời câu hỏi trên lớp</b>	Rubric 3 tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân/ thực hành/ tự học	CLO4	
			CLO5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
	<b>Viết</b>	Rubric 5 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO 1,2,3,4	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Ngô Kim Thanh (2015), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học KTQD.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Thế Giới (2008), *Quản trị chiến lược*, NXB Kinh Tế, Đà Nẵng.

2. Ngô Kim Thanh (2012), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học KTQD.

### **33. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1/CORPORATE FINANCE 1**

- Số tín chỉ: 03 (27; 36; 0)
- Mã học phần: 152045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết:

#### **1. Mô tả học phần**

Trang bị những kiến thức cơ bản và vận dụng vào công tác quản trị tài chính doanh nghiệp như: Tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp – Phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư; Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính – Quản trị dòng tiền của doanh nghiệp - Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp
- CO2: Người học đưa ra được các giải pháp về quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp
- CO3: Người học tính toán được lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng trường hợp cụ thể
- CO4: Người học phân tích được các chính sách cổ tức của công ty cổ phần.
- CO5: Người học thành thạo trong việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp và lập kế hoạch tài chính

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có kỹ năng phân tích quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp.
- CLO2: Thành thạo trong việc xác định được lợi nhuận trong từng trường hợp cụ thể.
- CLO3: Có kỹ năng phân tích chính sách cổ tức của công ty cổ phần
- CLO4: Có kỹ năng phân tích đánh giá các hệ số tài chính doanh nghiệp
- CLO5: Hình thành kỹ năng lập kế hoạch tài chính
- CLO6: Có ý thức, trách nhiệm trong công việc

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp	2					15
Chương 2: Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp	7		12			30
Chương 3: Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	6		9			30
Chương 4: Chính sách cổ tức của công ty cổ phần	4	2				20
Chương 5: Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính	4		4			20
Chương 6: Kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp	4		9			20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>2</b>	<b>34</b>	<b>0</b>		<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2, CLO4	



3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, CLO3	
4	Câu hỏi trắc nghiệm	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2,4	
<b>Thi cuối kì</b>				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Học liệu bắt buộc

1. Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh, *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, Nxb Tài chính, 2015

#### 8.2. Học liệu tham khảo

1. Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn, *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Kinh tế quốc dân, 2019

2. Bùi Văn Vân, *Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính 2009.

### **34. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC/ HUMAN RESOURCE MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03 (27LT;27TL; 9TH\*)
- Mã học phần: 154105
- Bộ môn quản lý học phân: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những ứng dụng thực tế trong doanh nghiệp về công tác quản trị nhân lực bao gồm: Phân tích công việc, lập kế hoạch nhân sự tuyển dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, bố trí nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá nhân sự thực hiện công việc của người lao động, thù lao lao động và giải quyết các mối quan hệ trong công việc.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về quản trị nhân lực; có nhận lực phù hợp về quản trị nhân lực của các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong môi trường cạnh tranh toàn cầu;
- CO2: Người học được trang bị các kiến thức và áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong thu hút, đào tạo – phát triển, duy trì và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực;
- CO3: Người học có thể đo lường được kết quả hoạt động quản trị nhân lực của các doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Mô tả và giải thích được khái niệm, vai trò, chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực và các mô hình quản trị nguồn nhân lực
- CLO2: Giải thích được khái niệm, ý nghĩa, quá trình hoạch định nguồn nhân lực và phân tích công việc đối với hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức
- CLO3: Phân tích và đánh giá được khái niệm, vai trò, chức năng, phương pháp và cách thức phân loại trong các hoạt động về tuyển dụng, đào tạo – phát triển và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức.
- CLO4: Đo lường và đánh giá được kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong môi trường hiện đại
- CLO5: Có kỹ năng tư duy phản biện thông qua việc phân tích, đánh giá các vấn đề quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức
- CLO6: Người học đủ năng lực để thực hiện được công việc quản trị nhân lực, biết tôn trọng và quan tâm đến lợi ích của các bên trong hoạt động quản trị nhân lực của một tổ chức; Người học có khả năng rèn luyện ý thức làm việc khoa học, nghiêm

túc, tự cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức quản trị hiện đại một cách sáng tạo và linh hoạt.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Tổng quan về quản trị nhân lực	3	3				12
Nội dung 2: Kế hoạch hóa nguồn nhân lực	3	3				12
Nội dung 3: Phân tích công việc	3	3				12
Nội dung 4: Tuyển mộ và tuyển chọn nhân viên	3	3		3		18
Nội dung 5: Đào tạo và phát triển	3	3				15
Nội dung 6: Đánh giá nhân viên	3	3		3		18
Nội dung 7: Thù lao và phúc lợi	6	6				30
Nội dung 8: Quan hệ lao động	3	3		3		18
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>27</b>		<b>9*</b>		<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/thuyết trình.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3	
			CLO4	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	

4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Viết	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	
<b>Thi cuối kì</b>				50%
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định ( <i>sinh viên đủ đk làm BTL</i> )	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Điềm (2004), *Giáo trình Quản trị nhân lực*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

#### 8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Trần Kim Dung (2015), *Quản trị nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

## 35. HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG/ BEHAVIOR CUSTOMER

- Số tín chỉ: 02 (18LT;18TL; 6TH\*)

- Mã học phần: 154001

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

### 1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và những ứng dụng thực tế về hành vi người tiêu dùng; các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi của người tiêu

dùng như văn hóa, giai tầng xã hội, nhóm tham khảo, gia đình, động cơ – cá tính – nhận thức của người tiêu dùng.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về hành vi người tiêu dùng; có nhận thức phù hợp về các yếu tố tác động đến hành vi của người tiêu dùng;
- CO2: Người học được trang bị các kiến thức và áp dụng các kỹ năng nghiệp vụ trong tìm hiểu, nghiên cứu và phân tích hành vi của người tiêu dùng;
- CO3: Người học có thể ứng dụng được kết quả nghiên cứu hành vi của người tiêu dùng trong các hoạt động của doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có kiến thức tổng quát về hành vi của người tiêu dùng
- CLO2: Nhận diện và mô tả những đặc điểm nổi bật được bộc lộ hoặc tiềm ẩn trong hành vi của người tiêu dùng
- CLO3: Phân tích và đánh giá được những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng
- CLO4: Đo lường và đánh giá được mức độ tác động của các yếu tố đến hành vi người tiêu dùng trong môi trường hiện đại.
- CLO5: Có kỹ năng tư duy phản biện, đưa ra giải pháp phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng tốt hơn thông qua việc phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi người tiêu dùng.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1:</b> Tổng quan về HVNTD	2	2				10
<b>Nội dung 2:</b> Ảnh hưởng của văn hoá tới HVNTD	2	2				10
<b>Nội dung 3:</b> Giai tầng xã hội và HVNTD	2	2				10
<b>Nội dung 4:</b> Nhóm tham khảo và HVNTD	2	2		2		10
<b>Nội dung 5:</b> Ảnh hưởng của gia đình tới HVNTD	2	2				10
<b>Nội dung 6:</b> Cá tính	2	2		2		10
<b>Nội dung 7:</b> Động cơ	2	2				10

<b>Nội dung 8:</b> Nhận thức và thái độ của NTD	2	2		2		10
<b>Nội dung 9:</b> Mua sắm và hệ quả của mua sắm	2	2				10
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	18		<b>6*</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Viết	Đề kiểm tra và đáp án	CLO1,2	30%
			CLO3	
			CLO4	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định ( <i>sinh viên đủ đk làm BTL</i> )	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học

trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

1. Vũ Huy Thông (2014) - *Giáo trình hành vi người tiêu dùng* – NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội.

### **8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

2. GS.TS Trần Minh Đạo – *Marketing căn bản* – NXB Đại học KTQD.

## **36. KINH DOANH DỊCH VỤ BỔ SUNG TRONG DU LỊCH/ ANCILLARY SERVICES IN TOURISM**

- Số tín chỉ: 02 ( 18 LT, 15 TL, 9 TH)

- Mã học phần: 127038

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch

- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức về các khái niệm cơ bản, những thuật ngữ sử dụng trong kinh doanh dịch vụ bổ sung, tầm quan trọng của chất lượng dịch vụ trong kinh doanh du lịch. Đồng thời cung cấp những kiến thức tổng quan về ngành kinh doanh giải trí cũng như loại hình kinh doanh dịch vụ bổ sung, các vấn đề hoạch định kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, khách sạn.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về dịch vụ, dịch vụ bổ sung, vai trò và các hình thức kinh doanh dịch vụ bổ sung.

- CO2: Thực hiện tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ sung trong nhà hàng, khách sạn, công ty du lịch và doanh nghiệp lữ hành.

- CO3: Quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ sung trong nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản tổng quát về dịch vụ, chất lượng dịch vụ, các hình thức kinh doanh dịch vụ bổ sung.

- CLO2: Tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ sung

trong nhà hàng, khách sạn, công ty du lịch, doanh nghiệp lữ hành.

- CLO3: Khả năng làm việc trong các nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp kinh doanh du lịch, lữ hành.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chất lượng dịch vụ khách sạn - du lịch	2	2	0	0	0	6
Tàu du lịch - nghiên cứu từ góc độ một khu nghỉ dưỡng trên biển	4	4	0	0	0	120
Tổng quan về ngành công nghiệp giải trí	4	5	0	0	0	220
Quản lí công viên chuyên đề và công viên giải trí	4	2	0	0	0	120
Quản lí giải trí Casino	4	2	0	0	0	20
Thực tế tại khách sạn, nhà hàng, resort có kinh doanh dịch vụ bổ sung			0	9	0	110
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	



<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Viết	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1.2	
<b>Thi cuối kỳ</b>				50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

[1]. Sơn Hồng Đức (2012), *Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng Resort, lí luận thực tiễn*, Nxb Phương Đông.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Tuấn Ngọc (2010). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB Lao động.

## 37a. MARKETING DU LỊCH/MARKETING IN TOURISM

- Số tín chỉ: 02 (15LT, 30 TH))

- Mã học phần: 127100

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản và cơ sở lý luận về marketing du lịch, môi trường marketing du lịch, thị trường du lịch và việc lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu, qui trình xây dựng kế hoạch chiến lược marketing. Vận dụng các kiến thức này để xây dựng chiến lược marketing mix cho tổ chức doanh nghiệp du lịch.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học có những kiến thức về marketing du lịch: bản chất của hoạt động marketing du lịch, các mô hình marketing mix của các tổ chức doanh nghiệp du lịch, môi trường marketing du lịch, phân đoạn thị trường, lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu, quy trình xây dựng chiến lược marketing.

- CO2: Giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để phân đoạn thị trường, lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chiến lược marketing cho một sản phẩm du lịch cụ thể và chiến lược marketing cho một công ty du lịch cụ thể.

- CO3: Giúp người học có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, làm việc độc lập, có tư duy, phản biện để giải quyết các vấn đề về du lịch. kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin.

- CO4: Giúp người học nhận thức đúng về nội dung hoạt động của marketing du lịch, có tác phong chuyên nghiệp của chuyên viên Marketing và ý thức được văn hóa phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Trình bày được bản chất của hoạt động marketing du lịch, các mô hình marketing mix của các tổ chức doanh nghiệp du lịch. Phân tích được môi trường marketing của một tổ chức doanh nghiệp du lịch cụ thể. Xác định được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của một tổ chức doanh nghiệp du lịch cụ thể.

- CLO2: Trình bày được kiến thức về qui trình phân đoạn thị trường, lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu cho một tổ chức doanh nghiệp du lịch cụ thể. Trình bày được quy trình xây dựng chiến lược marketing.

- CLO3: Vận dụng được qui trình phân đoạn thị trường theo các tiêu chí khác nhau, lựa chọn thị trường mục tiêu và xác định hướng định vị cho doanh nghiệp. Vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để phân tích thị trường, hoạch định và lập kế hoạch chiến lược marketing cho một sản phẩm du lịch cụ thể và chiến lược marketing mix cho một tổ chức, doanh nghiệp du lịch cụ thể

- CLO4: Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm. Hình thành kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin. Hình thành kỹ năng giới thiệu, bán sản phẩm, dịch vụ du lịch, chăm sóc khách hàng.

- CLO5: Có nhận thức đúng về nội dung hoạt động của marketing du lịch. Có tác phong chuyên nghiệp của chuyên viên Marketing. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
<b>Nội dung 1:</b> Tổng quan về Marketing du lịch	1	0	0	0	0	10
<b>Nội dung 2:</b> Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	5	0	10
<b>Nội dung 3:</b> Chiến lược marketing của tổ chức doanh nghiệp du lịch	2	0	0	5	0	10
<b>Nội dung 4:</b> Chiến lược sản phẩm du lịch của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	5	0	15
<b>Nội dung 5:</b> chiến lược giá của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	5	0	15
<b>Nội dung 6:</b> Chiến lược phân phối của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	5	0	15
<b>Nội dung 7:</b> Chiến lược xúc tiến hỗn hợp của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	5	0	15
<b>Tổng</b>	15	0	0	30	0	90

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài liệu tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Giảng theo tình huống thực tế:** Sinh viên tìm hiểu các tình huống thực tế thực tế môn học để phân tích về sự phân bố về tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch, các tác động của hoạt động du lịch ở điểm đến du lịch. Nhận dạng, phân tích được các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch; Đề xuất được giải pháp phát triển sản phẩm du lịch và khắc phục tính thời vụ trong du lịch. Hình thành lòng yêu

nghề và ý thức hoạt động du lịch có trách nhiệm, bền vững.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

- **Thảo luận nhóm để phân tích tình huống:** Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm để phân tích tình huống. Tình huống sẽ cho dưới dạng văn bản, hoặc video thể hiện 1 tình huống cần giải quyết liên quan đến hoạt động du lịch. Mỗi nhóm có thể tập hợp từ 5 đến 7 sinh viên. Các chủ đề do giảng viên phân công tùy theo tình hình thực tế, số lượng sinh viên.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

[1] Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2013), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

[1]. Philip Kotler (2007), *Marketing căn bản*, NXB Thống kê, Hà Nội.

## **37b. MARKETING CĂN BẢN/ PRINCIPLES OF MARKETING**

- Số tín chỉ: 02(18LT: 18TL: 6TH\*)
- Mã học phần: 254026
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

### **1. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing. Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản. Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về marketing, áp dụng các kiến thức này thực tiễn.
- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được chiến lược marketing mix 4P, từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về marketing trong doanh nghiệp.

- CLO2: Phân tích được môi trường kinh doanh; cách tiến hành phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu. Hiểu ý nghĩa, mục tiêu, vai trò và nội dung của 4P trong marketing mix; giải thích được các chiến lược giá và phương pháp điều chỉnh giá, các quyết định khi xây dựng hệ thống phân phối, đặc điểm của các công cụ xúc tiến hỗn hợp.

- CLO3: Người học có thể thực hiện các kỹ năng tổ chức các hoạt động marketing trong doanh nghiệp, xây dựng các chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp.

- CLO4: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học				Tổng giờ tín chỉ
	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Tự học	
Giới thiệu tổng quan về Marketing	2	4		10.5	6
Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing	2	1	1	9	3
Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh tới hoạt động Marketing.	2	2		10.5	4
Phân đoạn thị trường, Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa	2	2		9	4
Chiến lược sản phẩm hàng hoá	2	1	1	10.5	5
Chu kỳ sống sản phẩm hàng hoá	2	3	1	10.5	6
Chiến lược giá cả	2	2	1	9	5
Chiến lược phân phối	2	2	1	10.5	5
Chiến lược xúc tiến hỗn hợp	2	1	1	10.5	4
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>42</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

1.GS.TS Trần Minh Đạo (2013),*Giáo trình Marketing căn bản*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

## **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Văn Hùng (2013), *Marketing căn bản*, Nxb KT TPHCM.
2. Philip Kotler (2007), *Marketing căn bản*, Nxb Thống kê.

### **38a. QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU/BRAND MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03(27LT: 27TL: 9TH\*)

- Mã học phần:

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần này cung cấp cho sinh viên có những kiến thức căn bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu. Qua đó giúp sinh viên hiểu và phân biệt giữa thương hiệu, nhãn hiệu và thương hiệu cầu chứng. Bên cạnh đó sinh viên cũng sẽ nắm được quy trình xây dựng và quản trị thương hiệu. Ngoài ra môn học cũng giúp cho sinh viên phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá về các thương hiệu, cách quản trị thương hiệu; Có nhận định và thái độ đúng đắn về công tác quản trị thương hiệu.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về thương hiệu và quản trị thương hiệu trong thực tiễn.

- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được chiến lược quản trị thương hiệu trong thực tiễn công việc.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về thương hiệu và quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp.

- CLO2: Hiểu ý nghĩa, mục tiêu, vai trò và nội dung của quản trị thương hiệu.

- CLO3: Người học có thể thực hiện các kỹ năng nhận diện, định vị, khuyến trương, duy trì và khai thác thương hiệu áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp.

- CLO4: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, tiến hành các hoạt động quản trị thương hiệu của doanh nghiệp.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.



#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Tổng giờ tín chỉ
	Lý thuyết	Thảo luận, LV nhóm	Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của GV	KT – ĐG	
Tổng quan về thương hiệu	3	3		15			6
Chiến lược thương hiệu	3	4	1	15			8
Giá trị thương hiệu	3	2	1	12		*	6
Định vị thương hiệu	3	4	2	18			9
Đặc tính thương hiệu	3	2	1	15		**	6
Hình ảnh thương hiệu	3	3	1	15			7
Khuếch trương thương hiệu	3	3	1	15		*	7
Hệ thống nhận diện thương hiệu	3	3	1	15			7
Duy trì và khai thác thương hiệu	3	3	1	15			7
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>9</b>	<b>135</b>			<b>63</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
				50%

1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Dương Thanh Hà (2021), *Giáo trình Quản trị thương hiệu*, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Quang Minh (2015), *Quản trị kinh doanh và các kỹ năng bán hàng hiệu quả*, Nxb Lao động.

## 38b. QUẢN TRỊ MARKETING/ Marketing management

- Số tin chỉ học tập: 03 (27LT: 27TL: 9TH\*)
- Mã học phần: 154055
- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

### 1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái niệm về Quản trị Marketing, khái niệm môi trường kinh doanh, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, kế hoạch chiến lược Marketing, chiến lược marketing hỗn hợp.

Năng lực đạt được: Sinh viên nghiên cứu và lựa chọn thị trường mục tiêu thông qua việc định vị sản phẩm và phân tích nhu cầu của người tiêu dùng. Xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp: sản xuất, thương mại, dịch vụ.

## 2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về quản trị marketing, các phương pháp tổ chức điều hành hoạt động marketing vào thực tiễn.

- CO2: Người học có thể nắm rõ các bước trong hoạt động quản trị marketing từ tổ chức thực hiện, phối hợp, giám sát, kiểm tra hoạt động marketing; từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm có hệ thống về quản trị marketing trong doanh nghiệp.

- CLO2: Phân tích được môi trường kinh doanh; cách tiến hành phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu. Hiểu ý nghĩa, mục tiêu, vai trò và nội dung của 4P trong marketing mix; giải thích được các chiến lược giá và phương pháp điều chỉnh giá, các quyết định khi xây dựng hệ thống phân phối, đặc điểm của các công cụ xúc tiến hỗn hợp.

- CLO3: Người học có thể tổ chức thực hiện, phối hợp, giám sát và kiểm tra hoạt động marketing cho từng loại doanh nghiệp thông qua các chiến lược cơ bản của marketing mix để quản trị marketing

- CLO4: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

## 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần						Tổng giờ tín chỉ
	Lý thuyết	Xemina	Thực hành, thảo luận, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của giáo viên	KT – ĐG	
Tuần 1: Những vấn đề căn bản về quản trị Marketing	2		2	10.5			4

Tuần 2: Lập kế hoạch chiến lược	2		2	9			4
Tuần 3: Quá trình quản trị marketing	2		3	10.5			5
Tuần 4: Môi trường marketing và khách hàng của doanh nghiệp	2		3	9		*	5
Tuần 5 Phân tích đối thủ cạnh tranh	2		3	9			5
Tuần 6: Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu	2		2	9			4
Tuần 7 Chiến lược khác biệt hoá và định vị	2		3 (6 tiết thực hành)	10.5		**	5
Tuần 8 Quản trị sản phẩm	1		2	9			3
Tuần 9 Quản trị thương hiệu	2		3	10.5			5
Tuần 10 Quản trị chiến lược giá	2		3	9		*	5
Tuần 11: Quản trị kênh phân phối	2		2	10.5			5
Tuần 12: Quảng cáo và xúc tiến	2		2	9			4
Tuần 13 Bán hàng cá nhân, quan hệ công chúng	2		3 (6 tiết thực hành)	10.5			4
Tuần 14: Tổ chức, thực hiện và kiểm tra marketing	2		3 (6 tiết thực hành)	9		*	5
<b>Tổng</b>	<b>27</b>		<b>36</b>	<b>135</b>			<b>63</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1 Tài liệu bắt buộc

(1) Trương Đình Chiến (2014), *Quản trị Marketing*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

## **8.2 Tài liệu tham khảo**

(1) Philip Kotler (2006), *Quản trị marketing*- NXB Thống kê.

(2) GS.TS Trần Minh Đạo (2013), *Marketing căn bản*, NXB Đại học KTQD.

### **39a. KINH DOANH DU LỊCH TRỰC TUYẾN/ ONLINE TRAVEL BUSINESS**

- Số tín chỉ: 02 (15LT, 0TL, 30 TH)

- Mã học phần: 127017

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên một cái nhìn rộng về chủ đề kinh doanh điện tử trong du lịch và khách sạn. Môn học này bao gồm tất cả các chủ đề quan trọng trong lĩnh vực này và tạo ra sự hiểu biết về các kết nối và nội dung giữa các chủ đề thương mại điện tử khác nhau.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Biết các ứng dụng công nghệ hiện đại về Du lịch điện tử, cũng như ảnh hưởng của công nghệ thông tin truyền thông đến lĩnh vực du lịch.

- CO2: Biết cách thử nghiệm và sử dụng các trang web hoặc ứng dụng trên điện thoại di động

- CO3: Biết cách lập kế hoạch, vận hành và đánh giá các hoạt động liên quan đến du lịch trực tuyến. Đồng thời nhận thức được vai trò quan trọng của truyền thông và công nghệ thông tin truyền thông trong ngành Quản trị khách sạn.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Sinh viên có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về truyền thông và công nghệ thông tin truyền thông trong ngành Quản trị khách sạn;

- CLO2: Sinh viên có khả năng vận dụng các cách tiếp cận du lịch trực tuyến trong kinh doanh du lịch.

- CLO3: Sinh viên khai thác được những thông tin từ các trang mạng xã hội và xử lý các kỹ thuật tin học, máy tính, văn bản hiệu quả, chuyên nghiệp.

- CLO4: Sinh viên có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Cuộc cách mạng công nghiệp 4. 0 và hoạt động kinh doanh trực tuyến	3	0	0	0	0	0
Chương 2: Những nguyên tắc của việc kinh doanh trực tuyến	4	0	0	10	0	30
Chương 3: Các công cụ kinh doanh trực tuyến	4	0	0	10	0	30
Chương 4: Một số phương pháp bán hàng trực tuyến	4	0	0	10	0	30
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại ,thảo luận nhóm, xử lý tình huống,...

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,3	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,2,3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

[B1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lý hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

[T1]. Nguyễn Trùng Khánh (chủ biên) (2008), *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Lao động – xã hội

[T2]. Trịnh Xuân Dũng (1996). *Đại lý du lịch lý hành*. Trường Du lịch Hà Nội.

## **39b. MARKETING KỸ THUẬT SỐ/DIGITALMARKETING**

- Số tín chỉ: 02(18LT: 18TL: 6TH\*)
- Mã học phần:
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về marketing kỹ thuật số. Tổng quan về digital marketing; khái niệm môi trường hoạt động digital marketing và nghiên cứu marketing trên digital. Phân tích chiến lược digital marketing và các công cụ marketing mix trong digital marketing. Các công cụ truyền thông tương tác trên digital. Chiến lược nội dung và sự hiện diện điện tử. Đo lường và đánh giá hoạt động digital marketing.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về digital marketing, áp dụng các kiến thức này vào thực tiễn.
- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được chiến lược marketing mix 4P, từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.



### 3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về marketing digital.

- CLO2: Phân tích được môi trường digital marketing và nghiên cứu marketing trên digital; Nắm bắt các công cụ marketing mix trong digital marketing bao gồm chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông xúc tiến hỗn hợp. Nắm bắt các công cụ truyền thông tương tác trên digital marketing đồng thời nắm được cách quản trị quan hệ khách hàng trên digital.

- CLO3: Người học nắm được các chiến lược nội dung và sự hiện diện điện tử, đo lường và đánh giá hoạt động digital marketing..

- CLO4: Người học có thể thực hiện các kỹ năng tổ chức các hoạt động digital marketing trong doanh nghiệp, xây dựng các chiến lược marketing mix cho doanh nghiệp

- CLO5: Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động digital marketing của doanh nghiệp.

- CLO6: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học						Tổng giờ tín chỉ
	Lý thuyết	Thảo luận, LV nhóm	Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của giáo viên	KT – ĐG	
Tổng quan về digital marketing	3	4		15			7
Môi trường hoạt động digital marketing và nghiên cứu marketing trên digital	2	3		11			5
Chiến lược digital marketing	2	2	1	11			5

Các công cụ marketing mix trong digital marketing	3		2	15		**	5
Các công cụ truyền thông tương tác trên digital	3	2	3	15			8
Chiến lược nội dung và sự hiện diện điện tử	3	4		12		*	7
Đo lường và đánh giá hoạt động digital marketing	2	3		11			5
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>6</b>	<b>90</b>			<b>42</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Frederick Vallaeys (2020), *Chiến lược Digital marketing trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo*, NXB Lao động.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Bách Khoa (2003), *Marketing thương mại điện tử*, Nxb Thống kê.

## **39C. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ/ ELECTRONIC COMMERCE (E - COMMERCE)**

- Số tín chỉ: 02(18LT: 18TL: 6TH\*)

- Mã học phần: 154099

- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần:**

Học phần trang bị kiến thức về tổng quan về thương mại và kinh doanh thương mại trong nền kinh tế quốc dân; các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh thương mại như nghiên cứu thị trường, tạo nguồn mua hàng, dự trữ, bán hàng, xúc tiến bán hàng... Đồng thời học phần cung cấp kiến thức về: quản trị vốn, quản trị lao động, quản trị tài chính... của doanh nghiệp thương mại.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Học xong môn học TMĐT người học sẽ nắm vững được khái niệm, mô hình thương mại điện tử, các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử, hiểu được sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích

và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Nắm được một số quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT.

- CO2: Người học thành thạo các kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu thương mại điện tử.

- CO3: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương áp dụng ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp.

- CO4: Học xong học phần người học có những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp một cách có hệ thống. Người học đủ năng lực kiến thức để theo học các học phần chuyên ngành và tự nghiên cứu thêm về các tài liệu chuyên sâu về TMĐT. Đủ năng lực tự lập kế hoạch khởi sự kinh doanh (qui mô nhỏ) ứng dụng TMĐT

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Người học có thể có các kiến thức chung về thương mại, kinh doanh thương mại, quản trị trong doanh nghiệp thương mại.

- CLO2: Hiểu được các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể trong DNTM như nghiên cứu thị trường, tạo nguồn, mua hàng, dự trữ, bán hàng và xúc tiến bán hàng; những đặc thù về vốn, lao động, chi phí kinh doanh.

- CLO3: Người học có thể xây dựng kế hoạch và tác nghiệp cơ bản các nghiệp vụ trong doanh nghiệp thương mại.

- CLO4: Kỹ năng hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp thương mại; Kỹ năng tổ chức bán hàng, dự trữ hàng hóa, quản trị quan hệ khách hàng; thực hiện các hoạt động marketing để thúc đẩy hoạt động bán hàng; Cập nhật, xử lý, phân tích, đánh giá số liệu và tham mưu về lĩnh vực như: nhân sự, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu thị trường cho lãnh đạo tại doanh nghiệp thương mại; Khả năng thương thuyết, đàm phán với đối tác bên trong và ngoài doanh nghiệp.

- CLO5: Người học đủ năng lực để thực hiện được công việc quản trị cho một doanh nghiệp thương mại nhỏ và vừa; Người học đủ năng lực kiến thức để theo học các học phần chuyên ngành và tự nghiên cứu thêm về các tài liệu chuyên sâu về QTKD.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần						Tổng giờ tín chỉ
	Lý thuyết	Thảo luận, BT	Thực hành	Khác	Tự học, tự nghiên cứu	Kiểm tra đánh giá	
Tuần 1: Nội dung 1: Tổng quan về thương mại điện tử	2	2			9		4
Tuần 2: Nội dung 1 (tiếp): Tổng quan về thương mại điện tử	2	2			9		4
Tuần 3: Nội dung 2: Các mô hình thương mại điện tử	2	-	3		12		5
Tuần 4: Nội dung 2 :Cơ sở hạ tầng thương mại điện tử	2	3			12		5
Tuần 5: Nội dung 3: Cơ sở hạ tầng pháp lý thương mại điện tử	2	2			9	Kiểm tra thường xuyên	4
Tuần 6: Nội dung 3 (tiếp): Cơ sở hạ tầng pháp lý thương mại điện tử	2	-	3		12	Kiểm tra giữa kỳ	5
Tuần 7: Nội dung 4: Hệ thống thanh toán trong TMĐT	2	3			12		5
Tuần 8: Nội dung 4 (tiếp): Hệ thống thanh toán	2	3			9	Kiểm tra	5

trong TMĐT						thường xuyên	
Tuần 9: Nội dung 5: Marketing trong thương mại điện tử	2	3			12		5
<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>6</b>		<b>96</b>		<b>42</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, phát vấn, hướng dẫn thảo luận, thực hành

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>				
1	Trắc nghiệm/ viết	Rubric 5 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thuyết trình	Rubric 4 đánh giá thuyết trình theo nhóm	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Chuyên cần	Rubric1 giá chuyên cần và thái độ	CLO5	
4	<b>Tự học, trả lời câu hỏi trên lớp</b>	Rubric 3 tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân/ thực hành/ tự học	CLO4	
			CLO5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
	<b>Viết</b>	Rubric 5 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO 1,2,3,4	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Học liệu bắt buộc:**

[1]. TS. Trần Văn Hòe (2015), *Thương mại điện tử căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

### **8.2. Học liệu tham khảo:**

[1]. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2003), *Thương mại điện tử*, NXB KHKT

[2]. Nguyễn Hoàng Việt (2011), *Marketing thương mại điện tử*, NXB Thống kê

## **40. Chọn 1 trong 2 học phần**

### **40a. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 1/ENTEPRISE MANAGEMENT1**

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL,BT, 6TH)

- Mã học phần:154081

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về quản trị doanh nghiệp, Lịch sử quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp, thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; các chức năng quản trị doanh nghiệp như hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra; Các phương pháp quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần cũng sẽ giúp người học phân loại được doanh nghiệp, thiết lập được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp nhỏ; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Phân tích và quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa

#### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Học viên có thể phân tích và vận dụng kiến thức tổng quan về quản trị doanh nghiệp, các phương pháp ra quyết định và hoạch định trong doanh nghiệp vào thực tiễn.

- CO2: Học viên có thể lựa chọn và sử dụng được một số các kỹ năng quản trị điều hành cơ bản từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CO3: Học viên có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu và phân tích ưu nhược điểm của các loại hình doanh, cách thức thu

thập thông tin, hoạch định chương trình và xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp.

- CLO2: Phân tích và so sánh được các phương pháp điều hành doanh nghiệp từ đó có thể lựa chọn và vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO3: Nắm vững các phương pháp kiểm tra, kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp.

- CLO4: Thành thạo các kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định; Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược; Kỹ năng kiểm soát

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về quản trị doanh nghiệp	2	2				10
Thông tin và quyết định doanh nghiệp	4	2		3		20
Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp	4	4				20
Cơ cấu quản trị doanh nghiệp	2	3				10
Phương pháp điều hành trong quản trị doanh nghiệp	3	4				15
Quản trị kết quả kinh doanh và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp	3	3		3		15
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>8</b>		<b>6*</b>		<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:



STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,5	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	50%
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

## 8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

### 8.1 Tài liệu bắt buộc

(1) Ngô Kim Thanh (2013) *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp* –NXB Đại học kinh tế quốc dân.

(2) Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (Đồng chủ biên) (2019) *Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp*; NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

### 8.2 Tài liệu tham khảo

(1) Nguyễn Minh Kiều (2012), *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, Nxb LĐXH.

(2) Lê Văn Tâm (2000), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp*, Nxb Thống Kê.

## **40b. QUẢN TRỊ TÁC NGHIỆP/ OPERATION MANAGEMENT**

- Số tin chỉ học tập: 02 (18LT, 18TL, BT, 6TH)
- Mã học phần: 154049
- Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

### **1. Mô tả học phần:**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về điều hành, quản trị sản xuất tác nghiệp trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Người học dự báo nhu cầu sản xuất sản phẩm, lựa chọn sản phẩm và công suất; xác định vị trí cho doanh nghiệp; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình sản xuất, quản trị hàng tồn kho trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả nhất, tiết kiệm nhất và đạt lợi ích cao nhất.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về quản trị sản xuất tác nghiệp trong hoạt động sản xuất hoặc kinh doanh, các phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp vào thực tiễn.

- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được một số các kỹ năng quản trị điều hành cơ bản từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Người học hiểu được kiến thức chung liên quan đến sản xuất, nâng cao năng suất lao động, vai trò và các phương pháp dự báo nhu cầu sản phẩm, hiểu sự cần thiết phải quản trị các yếu tố đầu vào trong sản xuất.

- CLO2: Người học sẽ nắm được cách lựa chọn được sản phẩm, công suất sao cho hiệu quả, xác định được vị trí đặt doanh nghiệp sao cho tối ưu, phối kết hợp các nguồn lực trong doanh nghiệp vào sản xuất sao cho có hiệu quả nhất

- CLO3: Người học có khả năng lập lịch trình sản xuất, bố trí, sắp xếp công việc tối ưu và quản trị hàng tồn kho đạt hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp.

- CLO4: Thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị sản xuất tác nghiệp trong sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

### **4. Nội dung học phần**

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần					Tổng cộng
		Lý thuyết	T.luận, B.tập, xemina, thực tế	Tự học	Thực hành	Kiểm tra đánh giá	
1	Giới thiệu chung về quản trị tác nghiệp	2	2	9			4
2	Dự báo nhu cầu sản phẩm	2	4	11		*	6
3	Quyết định về sản phẩm, công suất, công nghệ và thiết bị	2	-	11	3	x	5
4	Định vị doanh nghiệp	2	-	11	3	x	5
5	Hoạch định tổng hợp	2	4	11		**	6
6	Lập lịch trình sản xuất	2	2	11			4
7	Lập lịch trình sản xuất (tiếp theo)	2	2	11		*	4
8	Quản trị hàng tồn kho	2	2	9			4
9	Quản trị hàng tồn kho (tiếp theo)	2	2	9		*	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>90</b>	<b>6</b>		<b>42</b>

### 5. Phương pháp giảng dạy

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO,2,3,4	

<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
<b>Thi cuối kì</b>				50%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

### **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

### **8. Tài liệu tham khảo chính**

#### **8.1 Tài liệu bắt buộc**

(1) Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung (2016), *Quản trị tác nghiệp*, NXB ĐHKQTĐ.

#### **8.2. Tài liệu tham khảo**

(1) Trần Đức Lộc (2009), *Bài tập QTSX và tác nghiệp*, NXB Tài Chính.

(2) Đồng Thị Thanh Phương (2011), *Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và bài tập)*, NXB Lao động Xã hội.

### **41. Chọn 1 trong 2 học phần**

#### **41a. VĂN HÓA DU LỊCH/ TOURISM CULTURE**

- Số tín chỉ: 02 ( 18 LT, 18 TL, 6 TH)

- Mã học phần: 127072

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những

thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch. Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về văn hóa; văn hóa du lịch; mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch; văn hóa du lịch và du lịch văn hóa. Có hiểu biết cơ bản về kiến thức văn hoá du lịch và việc vận dụng các kiến thức đó trong hoạt động kinh doanh lễ hành, khách sạn, dịch vụ, khai thác tài nguyên nhằm tạo sản phẩm du lịch nói chung, du lịch văn hoá nói riêng có sức hấp dẫn cao.

- CO2: Cung cấp những kiến thức về hiện trạng và xu hướng phát triển du lịch ở Việt Nam; Các phương diện biểu hiện của văn hóa du lịch trong phát triển du lịch ở Việt Nam.

- CO3: Biết tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển KT, có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KTXH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

- CO4: Rèn luyện phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân; hình thành ý thức vươn lên trở thành nhà quản trị du lịch giỏi.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu biết được khái niệm văn hóa, văn hóa du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa, chức năng, các yếu tố cấu thành, vai trò của văn hóa du lịch. Phân loại khách du lịch, những biểu hiện chủ yếu của khách du lịch, văn hóa của các thị trường khách du lịch. Phân biệt được các hình thức kinh doanh trong du lịch; phân tích đặc trưng, các nhân tố tác động đến văn hóa doanh nghiệp du lịch, các yếu tố cơ bản cấu thành văn hóa doanh nghiệp du lịch.

- CLO2: Tư duy theo hệ thống, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế

- CLO3: Bình tĩnh, tự tin, chăm chỉ, kỷ luật, nghiêm túc trong công việc; có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ.

## 4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Khái quát chung về Văn hóa Du lịch	3	0	0	0	0	20

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 2: Văn hóa du lịch trong phát triển Du lịch ở Việt Nam	5	6	0	2	0	20
Nội dung 3: Văn hóa Du lịch trong kinh doanh Du lịch ở Việt Nam	5	6	0	2	0	25
Nội dung 4: Định hướng phát triển Du lịch ở Việt Nam	5	6	0	2	0	25
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống,....

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3	30%
2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2 CLO3	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				

1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO2 CLO3	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### \*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

[1].Trần Thúy Anh (2016), *Du lịch văn hóa*, NXB Giáo dục.

#### \* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Thúy Anh (2000), *Thế ứng xử cổ truyền với tự nhiên và xã hội của người Việt Châu thổ Bắc Bộ qua ca dao, tục ngữ*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

[2]. Dương Văn Sáu (2017), *Văn hóa du lịch*, NXB Lao động, Hà Nội.

## 41b. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP DU LỊCH/ CORPORATE CULTURE TOURISM

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 127073
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.

### 1. Mô tả học phần

Học phần được xây dựng theo hướng ứng dụng phát huy tối đa vai trò của người học để họ được trải nghiệm, phân tích những tình huống thực tế về văn hoá, đạo đức, từ đó ứng dụng vào thực tiễn hoạt động du lịch.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp du lịch. Hiểu biết cơ sở lý luận, chức năng, vai trò, triết lý, cấu trúc văn hóa trong doanh nghiệp. Hội nhập nhanh vào môi trường làm việc của doanh nghiệp du lịch, kế thừa và phát triển các chuẩn mực của giá trị văn hóa tổ chức.

- CO2: Sinh viên hình thành kỹ năng tư duy theo hệ thống, làm việc một cách khoa học.

- CO3: Biết tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế, có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển doanh nghiệp.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Biết được các giá trị cốt lõi và hình ảnh của doanh nghiệp du lịch; Đánh giá giá trị của doanh nghiệp du lịch thông qua xây dựng và thực thi các chuẩn mực văn hóa.

- CLO2: Thiết lập các giá trị văn hóa doanh nghiệp du lịch dựa trên các nền tảng hiện có và các chuẩn mực của xã hội; Xây dựng hình ảnh doanh nghiệp du lịch thông qua thực thi văn hóa.

-CLO3: Lồng ghép trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch với văn hóa doanh nghiệp; Thí chứng và hội nhập nhanh vào môi trường làm việc của tổ chức.

- CLO4: Có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc; Hình thành ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan văn hóa doanh nghiệp	2	0	0	0	0	10
Chương 2: Các chức năng và nội dung cơ bản của văn hóa doanh nghiệp du lịch	4	4	0	0	0	20
Chương 3: Cấu trúc cơ bản hình thành văn hóa doanh nghiệp du lịch	4	4	0	0	0	20
Chương 4: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp du lịch	4	5	0	3	0	20
Chương 5: Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh du lịch	4	5	0	3	0	20
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại ,thảo luận nhóm, xử lý tình huống, ...



## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2 CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2 CLO4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO3 CLO4	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

[1]. Trần Nhoãn (2009). *Văn hoá doanh nghiệp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

### \* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

[1]. Phan Huy Xu & Võ Văn Thành (2016). *Bàn về văn hoá du lịch Việt*

Nam.NXB Tổng Hợp TPHCM.

[2]. Nguyễn Ngọc Dung (2018). *Văn hoá doanh nghiệp trong khách sạn tại Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **III. KIẾN THỨC BỔ TRỢ**

#### **42. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1**

- Số tín chỉ: 3 (27,36,135)
- Mã học phần: 153085
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

##### **1. Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước.

Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

##### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản và nâng cao: Khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận. Các nội dung về tổ chức công tác kế toán tài chính trong DN; Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh về kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán các loại vật tư; Kế toán TSCĐ và các khoản đầu tư tài sản dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Người học có kiến thức cơ bản về Luật kế toán (Luật kế toán năm 2015), hệ thống chuẩn mực kế toán (chuẩn mực 01,02,03,04...)

- CO2: Người học có thể thực hành ghi sổ kế toán, người học có kiến thức cơ bản về chuyên ngành đọc, ghi chép, lập các báo cáo kế toán và phân tích các thông tin tài chính ở đơn vị kế toán.

- CO3: Người học có tác phong nhanh nhẹn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để đáp ứng yêu cầu môn học

##### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Có kiến thức cơ bản về luật kế toán, chuẩn mực kế toán, về tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp, nguyên tắc hạch toán kế toán trong

doanh nghiệp.

- CLO2: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hiểu nguyên tắc hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

- CLO3: Vận dụng được và ghi chép được các nguyên tắc hạch toán kế toán các phần hành kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

- CLO4: Kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kế toán doanh nghiệp.

- CLO5: Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

- CLO6: Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học							Tổng
	Lý thuyết	Xemina	Làm việc nhóm	Thực hành, bài tập*	Tự học, Tự N/C	Tư vấn	Kiểm tra Đánh giá**	
<b>Nội dung 1:</b> Tổng quan về kế toán tài chính trong doanh nghiệp	2				27			2
<b>Nội dung 2:</b> Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước	6			4	27		1	10
<b>Nội dung 3:</b> Kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	8			9	27		1	17

<b>Nội dung 4:</b> Kế toán tài sản cố định	8			13	27		2	<b>21</b>
<b>Nội dung 5:</b> Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	3			10	27		1	<b>13</b>
<b>Tổng</b>	<b>27</b>			<b>36</b>	<b>135</b>		<b>5</b>	<b>63</b>

### 5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO6	30%
2	Kiểm tra vấn đáp/ lên bảng	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## **8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình bắt buộc:**

[1]. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thuỷ (2013), Giáo trình Kế toán tài chính, Nxb Tài chính.

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

[2]. Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019) , Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính, Nxb Tài chính.

[3]. Tổng cục thuế (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, Nxb KHXH.

## **43. Chọn 1 trong 2 học phần**

### **43a. NGHIỆP VỤ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĂN UỐNG/ FOOD PREPARATION SKILLS**

- Số tín chỉ: 03 ( 15 LT, 0 TL, 60 TH)
- Mã học phần: 127051
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về nguyên liệu chế biến và sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến. Lựa chọn và bảo quản nguyên liệu. Phương pháp xây dựng thực đơn. Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm. Các xu hướng ẩm thực toàn cầu. Các phương pháp chế biến và kỹ thuật chế biến món ăn, đồ uống, một số món ăn cơ bản, cũng như kỹ năng và nghệ thuật trang trí sản phẩm ăn uống.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về nguyên liệu chế biến và sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến
- CO2: Xác lập phương pháp phân tích, xây dựng thực đơn, Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm
- CO3: Áp dụng Các phương pháp chế biến và kỹ thuật chế biến món ăn, đồ uống, một số món ăn cơ bản, cũng như kỹ năng và nghệ thuật trang trí sản phẩm ăn uống.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát, kiến thức cơ bản về nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu, chọn và bảo quản nguyên liệu, cơ cấu tổ chức của nhà bếp, cơ cấu tổ chức của khách sạn.
- CLO2: Thực hiện việc tính toán chi phí nguyên liệu, kỹ năng phân tích, đánh

giá, tổng hợp, lập bảng thống kê chi phí nguyên liệu.

- CLO3: Xây dựng được thực đơn, kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống với các phương pháp chế biến đa dạng.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về nguyên liệu chế biến sản phẩm ăn uống	2	0	0	0	0	15
Lựa chọn và bảo quản nguyên liệu	2	0	0	0	0	15
Thực hành và quy trình làm bếp	2	0	0	0	0	15
Sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến sản phẩm ăn uống	2	0	0	0	0	15
Đại cương về các phương pháp chế biến	2	0	0	0	0	15
Kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống	3	0	0	10	0	15
Phương pháp xây dựng thực đơn	1	0	0	10		15
Trang trí , kiểm tra chất lượng sản phẩm ăn uống	1	0	0	10		15
Thực tế tại nhà hàng ở địa phương	0	0	0	30		15
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá	CLO3.1,	30%

		chuyên cần	CLO3.2, CLO3.3	
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### **\*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

[1]. Trịnh Cao Khải (chủ biên) (2013). *Giáo trình Lý thuyết chế biến món ăn*. NXB Lao động.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Hội đồng chứng chỉ nghiệp vụ du lịch (2005). *Kỹ thuật chế biến món ăn*. NXB Thanh Niên.

[2]. Tổng cục du lịch Việt Nam, (2009), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt*

Nam, Kỹ thuật chế biến món ăn Âu. (VTOS)

#### 43b. NGHIỆP VỤ PHỤC VỤ NHÀ HÀNG/RESTAURANT SERVICES

- Số tín chỉ: 03 ( 15 LT, 0TL, 60TH)
- Mã học phần: 127042
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

##### 1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng các trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng, vệ sinh, an toàn và an ninh trong kinh doanh ăn uống, kỹ thuật phục vụ ăn uống, tổ chức và phục vụ các loại tiệc, chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống, tổ chức lao động và kỹ năng quản trị, điều hành, giám sát trong nhà hàng

##### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về nhà hàng, vai trò và các loại hình kinh doanh nhà hàng

- CO2: Thực hiện tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động của nhà hàng

- CO3: Quản lý, điều hành hoạt động nhà hàng

##### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng những kiến thức để thực hiện thao tác kỹ thuật phục vụ ăn uống trong nhà hàng, các bữa ăn thường, ăn tiệc Âu và Á

- CLO2: Tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động nhà hàng.

- CLO3: Khả năng vận hành, quản lý và làm việc trong các nhà hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng sao theo tổng cục du lịch và tiêu chuẩn quốc tế.

##### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng	2	0	0	10	0	220
Trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng	2	0	0	10	0	120



Vệ sinh an toàn, an ninh trong kinh doanh ăn uống	2	0	0	10	0	220
Kỹ thuật phục vụ ăn uống	2	0	0	10	0	120
Tổ chức và phục vụ các loại tiệc	2	0	0	10	0	125
Chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống	2	0	0	5	0	130
Tổ chức lao động và kỹ năng điều hành giám sát trong nhà hàng	3	0	0	5		110
Thực tế tại nhà hàng	0	0	0	0		
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>1135</b>

### 5. Hình thức dạy và học

Học phân áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

**\*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1. Vũ Thị Hòa (Chủ biên) (2012), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng*, NXB Lao động Hà Nội.

### ***Tài liệu tham khảo***

1. Vũ Thị Hòa (2012). *Bài giảng thực hành nghiệp vụ nhà hàng (lưu hành nội bộ)*. NXB Lao động Hà Nội.

2. Tổng cục du lịch Việt Nam, (2018), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, Nghiệp vụ nhà hàng*. (VTOS).

## **44. Chọn 1 trong 2 học phần**

### **44a. THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH TOUR/ TOUR DESIGN AND OPERATION**

- Số tín chỉ: 03 (15 LT, 0 TL, 60 TH)
- Mã học phần: 127031
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức về nghiên cứu nhu cầu khách du lịch, khảo sát điều kiện cung ứng, từ đó xây dựng lịch trình chi tiết cho chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch. Các phương pháp quảng cáo, tổ chức thiết kế và bán chương trình du lịch, hợp đồng du lịch, quản lý điều hành chương trình du lịch.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Khái quát nội dung kiến thức về nghiên cứu nhu cầu khách du lịch, khảo sát điều kiện cung ứng.

- CO2: Xây dựng lịch trình chi tiết cho chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch.

- CO3: Xác lập phương pháp quảng cáo, tổ chức thiết kế và bán chương trình du lịch, hợp đồng du lịch, quản lý điều hành chương trình du lịch.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khai thác, nắm bắt và vận dụng được các kiến thức nền tảng trong ngành dịch vụ du lịch.

- CLO2: Áp dụng kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực nghề nghiệp trong ngành du lịch, từ đó thiết kế xây dựng chương trình du lịch trọn gói.

- CLO3: Áp dụng được các ứng dụng và công cụ truyền thông để quảng bá tổ chức bán và thực hiện chương trình du lịch.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nghiên cứu nhu cầu khách du lịch	2	0	0	0	0	5
Khảo sát điều kiện cung ứng	2	0	0	5	0	20
Xây dựng lịch trình chi tiết	2	0	0	10	0	35
Xác định giá của chương trình du lịch	2	0	0	5	0	25
Phương pháp quảng cáo	2	0	0	10	0	25
Tổ chức bán chương trình du lịch	3	0	0	10	0	10
Quản lý điều hành chương trình du lịch	2	0	0	10		15
Thực tế tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khảo sát tuyến điểm du lịch.	0	0	0	10		
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**\*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

[1]. Nguyễn Văn Đức (2011), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lễ hành*, Nxb Lao động.

### ***Tài liệu tham khảo:***

[1]. Phạm Hồng Chương (2000), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, Nxb Thống kê.

[2]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

## **44b. TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM/ ROUTES AND TOURISM DESTINATION IN VIETNAM**

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 18 TL, 18 TH)
- Mã học phần: 125.180
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về tuyến và điểm du lịch Việt Nam: Những vấn đề lí luận chung về tuyến và điểm du lịch; Phân vùng du lịch Việt Nam; Đặc điểm chung của các vùng du lịch Việt Nam (về lịch sử, văn hóa, địa lý, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng); Điều kiện phát triển du lịch, sản phẩm du lịch đặc thù của mỗi vùng du lịch ở Việt Nam; hệ thống điểm, khu, tuyến du lịch của các vùng và liên vùng du lịch Việt Nam.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Cung cấp cho SV hệ thống lý thuyết về điểm, tuyến và cơ sở hình thành điểm, tuyến du lịch; các kiến thức cơ bản về giá trị tài nguyên của điểm, tuyến; sự phân bố của các điểm, tuyến du lịch ở các vùng du lịch Việt Nam
- CO2: Hình thành kỹ năng xây dựng tuyến du lịch, chương trình du lịch và các kỹ năng hỗ trợ như giao tiếp, thuyết trình
- CO3: Hướng sinh viên tiếp tục phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu; hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm của lao động du lịch.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Hệ thống kiến thức và hiểu rõ các khái niệm điểm, tuyến, loại hình, sản phẩm du lịch. Phân tích, so sánh được các giá trị hấp dẫn của các điểm, tuyến du lịch. Mối quan hệ và sự phân bố của các điểm, tuyến du lịch ở các vùng du lịch Việt Nam
- CLO2: Thiết kế và xây dựng các tuyến du lịch chuyên đề
- CLO3: Phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình giới thiệu, quảng bá các điểm đến, các chương trình du lịch và tour du lịch
- CLO4: Thể hiện được khả năng tự học, tự nghiên cứu

- CLO5: Có năng lực tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Những vấn đề chung	7	3		0		20
Nội dung 2: Tuyến và điểm vùng DL Trung du và miền núi phía Bắc	4	3		3		20
Nội dung 3: Tuyến điểm du lịch vùng ĐBSH và ĐHĐB	4	3		3		20
Nội dung 4: Tuyến điểm du lịch vùng Bắc Trung Bộ	4	3		4		25
Nội dung 5: Tuyến điểm du lịch vùng DHNTB và Tây Nguyên	4	3		4		25
Nội dung 6: Tuyến điểm du lịch Vùng ĐNB và ĐBSCL	4	3		4		25
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1.1	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1.2 CLO2.1	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3.1	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo	CLO1.2	

		luận nhóm	CLO2.1 CLO2.2	
5	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2.2 CLO3.1	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	20%
<b>III. Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1.1 CLO1.2	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO2.2 CLO3.1	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### *Giáo trình/ Bộ giáo trình bắt buộc*

[1]. Bùi Hải Yến (2017), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

#### *Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo*

[1]. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quy hoạch phát triển du lịch Duyên hải Đông Bắc và đồng bằng sông Hồng đến năm 2020 tầm nhìn 2030*.

[2]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch, *Bản đồ du lịch Việt Nam*, Nxb TN-MT & bản đồ VN, Hà Nội.

### 45. Chọn 1 trong 2 học phần

#### 45a. THUẾ/ TAXES

- Số tín chỉ: 02 (18; 18; 6)
- Mã học phần: 152.055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính - Tiền tệ

## 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần được thiết kế gồm 6 nội dung bao gồm những vấn đề cơ bản về thuế; 5 luật thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay như : Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập cá nhân. Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng về phương pháp tính thuế và cách kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế ở các cơ sở kinh doanh và đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy định như đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, đối tượng nộp thuế.

- CO2: Người học hiểu rõ các phương pháp tính thuế, kê khai, nộp thuế, quyết toán các sắc thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân, thuế khác.

- CO3: Người học vận dụng được các phương pháp tính thuế đã được học. Đủ khả năng tính, kê khai, nộp, quyết toán thuế vào ngân sách Nhà nước.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

Học xong học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững được các quy định về các sắc thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN để xử lý các tình huống về thuế diễn ra trong thực tiễn.

- CLO2: Thành thạo trong việc tính, kê khai, nộp quyết toán các loại thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN ở các đơn vị và doanh nghiệp.

- CLO3: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
ND1: Những vấn đề cơ bản về thuế	2	3				9
ND2: Thuế giá trị gia tăng	4		3	2		18
ND3: Thuế tiêu thụ đặc biệt	3		3	1		18
ND4: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	3		3	1		18
ND5: Thuế thu nhập doanh nghiệp	4		3	2		18



nghiệp						
ND6: Thuế thu nhập cá nhân	2		3			9
<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>	<b>3</b>	<b>15</b>	<b>06</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và làm bài tập tính thuế, xử lý tình huống thuế trong thực tiễn.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1	
			CLO2	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO1,2	
<b>Thi cuối kì</b>				50%
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2	
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất (2016), *Giáo trình Chính sách và nghiệp vụ Thuế*- NXB Lao động.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2014), *Giáo trình Thuế*, Nxb Tài chính.

2. Lê Hoàng Bá Huyền (2016), *Câu hỏi và bài tập thuế*, Nxb Lao động.

## **45b. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN/STOCK MARKETS**

- Số tín chỉ: 02 (18; 18; 6)

- Mã học phần: 152.046

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng

- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng về chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán như: Khái niệm, chức năng của thị trường chứng khoán, cơ cấu, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các giao dịch chứng khoán trên thị trường sơ cấp, thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán;

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- CO2: Người học vận dụng và phân tích được thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp; Các chức năng của Sở giao dịch chứng khoán.

- CO3: Người học có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế phân tích, đánh giá hiệu quả đầu tư vào các loại chứng khoán trên thị trường chứng khoán;

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hình thành kỹ năng phân tích tính chất các loại trái phiếu, cổ phiếu từ đó có thể vận dụng vào thực tế để phân tích trái phiếu và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

- CLO2: Phân tích, tư vấn cho khách hàng lựa chọn đầu tư các loại chứng khoán

như: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh.

- CLO3: Có kỹ năng làm việc theo nhóm để phân biệt các chứng khoán cũng như cách thức giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán.

- CLO4: Có kỹ năng thực hành tính toán trong việc xác định giá và khối lượng giao dịch trong khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục ở thị trường chứng khoán.

- CLO5: Có kỹ năng, năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
ND1: Tổng quan về thị trường chứng khoán	2	2	0	0		10
ND2: Chứng khoán	4	2	3	0		20
ND3: Thị trường chứng khoán sơ cấp	2	1	0	2		10
ND4: Thị trường chứng khoán thứ cấp	5	2	1	2		25
ND5: Phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán	5	2	5	2		25
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>06</b>		<b>90</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%

2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2		
			CLO4		
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1		
			CLO3		
			CLO4		
4	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1		
			CLO3		
			CLO4		
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>					20%
1	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1; CLO3		
2	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2		
<b>Thi cuối kỳ</b>				50%	
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5		
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. PGS.TS Lê Hoàng Nga, *Thị trường chứng khoán*, Nxb Tài chính, 2020.

### 8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Bạch Đức Hiền, *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, Nxb Tài chính, 2008.
2. Hoàng Văn Quỳnh, *Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán*, Nxb Tài chính, 2008.

## **IV. THỰC TẬP, KLTN/ HỌC PHẦN THAY THẾ**

### **46. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/INTERNSHIP**

- Số tín chỉ: 5TC (0, 0, 150)

- Mã học phần: 123190

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: VNH-DL/QTKD

- Điều kiện tiên quyết: Tích lũy được 70% số tín chỉ các môn học thuộc ngành QTKS

#### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp làm việc tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, các tổ chức nghiên cứu và quản lý nhà nước về kinh tế, du lịch, các trường cao đẳng, dạy nghề du lịch. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ của cơ quan, doanh nghiệp du lịch, và được bố trí tiếp cận công việc giám sát viên, giám sát bộ phận, nhân viên sale, lễ tân, buồng, bàn, bar tại các cơ sở kinh doanh lưu trú.

*Năng lực đạt được:* Hoàn thiện năng lực làm việc cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp đối với các nghề: Quản lý tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, chuyên viên, nghiên cứu viên tại các tổ chức nghiên cứu và quản lý nhà nước về kinh tế, du lịch, nhân viên điều hành tại doanh nghiệp du lịch.

#### **2. Mục tiêu của học phần**

- CLO1: Tổng hợp và vận dụng được các kiến thức chung, chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào giải thích, phân tích tình huống thực tế công tác quản trị tại một cơ sở kinh doanh lưu trú.

- CLO2: Vận dụng và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian; kỹ năng thương lượng và xử lý tình huống, kỹ năng viết báo cáo.

- CLO3: Hình thành lối sống lành mạnh, hành vi ứng xử chuyên nghiệp, thể hiện được sự trung thực, tâm huyết và đáng tin cậy trong công việc; có khả năng chủ động thực hiện công việc, biết chia sẻ thông tin với đồng nghiệp và tuân thủ luật pháp. Phấn đấu trở thành người quản lý vừa chuyên vừa hồng.

#### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Người học nắm vững và vận dụng các kiến thức chung và kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào phân tích các tình huống

thực tế công việc quản trị tại một cơ sở kinh doanh lưu trú.

- CLO2: Phân tích được các nguyên lý, cách thức lập kế hoạch tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh khách sạn.

- CLO3: Áp dụng thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực và đánh giá hoạt động kinh doanh của khách sạn, đưa ra các nhận định về công tác quản trị của khách sạn vị thực tập và đề xuất một số giải pháp cải thiện hiệu quả tại doanh nghiệp.

- CLO4: Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực tập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực tập, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình.

- CLO5: Người học có năng lực tư duy sáng tạo, có khả năng học hỏi chuyên môn nghiệp vụ trong giai đoạn thực hiện thực tập tại các đơn vị. Hoàn thành báo cáo thực tập được đánh giá mức đạt trở lên.

#### **4. Nội dung của học phần**

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Thời gian</b>
Giai đoạn 1: Thực tập tổng hợp	- Tìm hiểu tình hình chung của đơn vị thực tập. + Đặc điểm tổ chức, cơ cấu và hoạt động của đơn vị thực tập + Cách thức quản lý và tổ chức các hoạt động của khách sạn.	10 tuần
Giai đoạn 2: Thực tập chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp	Sinh viên lựa chọn nghiên cứu sâu một chuyên đề và viết một báo cáo TTTN liên quan đến lĩnh vực hoạt động của khách sạn theo mẫu quy định.	

#### **5. Hình thức dạy và học**

Theo quy định hiện hành, giảng viên và sinh viên chủ động trao đổi và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch nghiên cứu.

Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nghiên cứu chuyên đề.

#### **6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần**

Căn cứ để đánh giá kết quả thực tập của sinh viên gồm 3 phần sau:

Phần 1: Hồ sơ (Bao gồm Kế hoạch thực tập, Báo cáo GD 1, đề cương Báo cáo GD 2, Nhật ký thực tập) được đánh giá với trọng số 20% do GVHD chấm.

Phần 2: Căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ sở thực tập (Trọng số 20%)

Phần 3: Báo cáo TTTN (Trọng số 60%), chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do khoa đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng)

Điểm thực tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10.

+ Điểm của cơ sở thực tập

+ Điểm của giáo viên: chấm 2 vòng độc lập của GVHD và GV trong bộ môn; điểm chấm dựa trên các tiêu chí đã được quy định về: Hình thức, kết quả nghiên cứu, tài liệu tham khảo, hồ sơ thực tập, nhận xét của đơn vị

### **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực tập, hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ theo quy định, không vi phạm quy chế thực tập tại đơn vị sẽ được đánh giá kết quả.

Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, hoàn thành báo cáo đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

### **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

#### **8.1. Giáo trình**

[1]. Đoàn Hương Lan (chủ biên) (2013), *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*. NXB Lao động.

#### **8.2. Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Thị Tú, (2005), *Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*. NXB Thống kê.

[2]. Nguyễn Ngọc Dung (2018). *Văn hoá doanh nghiệp trong khách sạn tại Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

## **47 – 48. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ HỌC PHẦN THAY THẾ**

### **47a. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

- Số tín chỉ: 06

- Mã học phần: 124101

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch

- Điều kiện tiên quyết:

#### **1. Mô tả học phần**

- *Nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên nắm vững và vận dụng được các kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.

- CO2: Sinh viên có thể sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu và các phần mềm hỗ trợ để được các thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, du lịch, quản trị kinh doanh. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, khoa học.

- CO3: Sinh viên có thái độ tích cực, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu. Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế, du lịch.

- CLO2: Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế, du lịch. Sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê để xử lý, phân tích dữ liệu.

- CLO3: Có thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Lựa chọn đề tài nghiên cứu 1.1. Các chuyên ngành có thể lựa chọn 1.2. Yêu cầu khi lựa chọn đề tài				15		50



Chương 2: Xây dựng đề cương và tập hợp tài liệu tham khảo. 1.1. Xây dựng đề cương 1.2. Tập hợp tài liệu tham khảo				15		50
Chương 3: Xây dựng kế hoạch và tiến hành nghiên cứu 3.1. Xây dựng kế hoạch 3.2. Tiến hành nghiên cứu				30		50
Chương 4: Hoàn thiện công trình nghiên cứu 4.1. Yêu cầu khi hoàn thiện các nội dung nghiên cứu. 4.2. Hoàn thiện Phụ lục đề tài				30		50
Chương 5: Bản tóm tắt đề tài 5.1. Yêu cầu khi hoàn thiện bản tóm tắt 5.2. Hoàn thiện bản tóm tắt				30		30
Chương 6: Báo cáo kết quả nghiên cứu 6.1. Yêu cầu về báo cáo 6.2. Các sản phẩm báo cáo 6.3. Phương pháp báo cáo				30		40
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>150</b>		<b>270</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

- Học phần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho sinh viên. Trong quá trình sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên đọc và tìm tài liệu tham khảo liên quan, giải đáp các vướng mắc của sinh viên trong suốt quá trình nghiên cứu.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
	Đánh giá báo cáo tổng kết	Rubic Đánh giá báo cáo tổng kết KLTN	CLO1-3	100

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.
- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.
- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Văn Thắng (2014), Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, Nhà xuất bản ĐH KTQD.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Cao Đàm(2012), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục
2. Phạm Viết Vượng(2002), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQGHN.

## HỌC PHẦN THAY THẾ

### 47b1.TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH MICE / EVENT ORGANIZATION AND MICE TOURISM

- Số tín chỉ: 03 (15 LT, 0, 60 TH)
- Mã học phần: 127043
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

#### 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học khái niệm, nhận dạng được hoạt động tổ chức sự kiện, loại hình du lịch MICE và nội dung tổ chức sự kiện. Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định nhu, nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các hoạt

động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện, môi trường và điều kiện phát triển du lịch MICE. Khả năng tổ chức - quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về sự kiện, vai trò và các loại hình sự kiện, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện. Du lịch MICE và nắm chắc các lý thuyết về kiến thức cơ bản của hệ thống kinh tế, ngành du lịch, kinh doanh du lịch, lưu trú, một số nguyên lý cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, phát triển bền vững áp dụng trong việc tổ chức, vận hành và quản trị du lịch MICE

- CO2: Xác lập phương pháp phân tích, đo lường, đánh giá quy trình tổ chức sự kiện, các chất liệu và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện, hoạt động “xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện”. Lập ngân sách và kế hoạch tổ chức một sự kiện hội nghị, hội thảo (MICE) trong du lịch.

- CO3: Ứng dụng và công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện. Marketing và bán dịch vụ MICE. Thực thi tổ chức được một sự kiện một cách thành thạo cho doanh nghiệp.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khai quát và luận giải được các khái niệm cơ bản về sự kiện. Xác định được vai trò và các loại hình sự kiện, khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện.

- CLO2: Thành thạo quy trình tổ chức sự kiện, các chất liệu và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện. Phân tích, tổng hợp, đo lường, đánh giá, lập ngân sách và bán dịch vụ MICE

- CLO3: Áp dụng được các ứng dụng và công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện nói chung và du lịch MICE nói riêng Thực thi tổ chức được một sự kiện một cách thành thạo cho doanh nghiệp từ phân tích, hoạch định, triển khai và đo lường đánh giá.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về tổ chức sự kiện, về MICE trong du lịch	2	0	0	0	0	20
Hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách sự kiện	3	0	0	5	0	20

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Lập kế hoạch tổ chức sự kiện	3	0	0	10	0	20
Lập ngân sách và lập kế hoạch cho một hội nghị, hội thảo	3	0		10		20
Kế hoạch Marketing và bán dịch vụ MICE	2	0	0	10	0	20
Thực hiện cung ứng dịch vụ MICE	2	0	0	5	0	20
Thực hành tổ chức sự kiện, tổ chức hoạt động MICE trong du lịch.		0	0	20	0	15
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

[1] Nguyễn Vũ Hà (2009) *Bài giảng Tổ chức sự kiện*, Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu tham khảo:**

[1] Vũ Mạnh Hà (2014), *Giáo trình kinh tế du lịch*, Nxb Giáo dục.

## **47b2. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ/SERVICE QUALITY MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 30TL: 6TH\*)

- Mã học phần:

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Quản trị Chất lượng Dịch vụ mở rộng kiến thức về quản trị chất lượng và vận dụng tiếp cận xây dựng hệ thống quản trị chất lượng trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ. Học phần hướng đến cung cấp cho sinh viên những kiến thức cập nhật liên quan đến đặc thù của sản phẩm dịch vụ, quản lý quá trình tạo dịch vụ, sự thỏa mãn khách hàng, hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ, đo lường và đánh giá chất lượng dịch vụ, các công cụ thống kê trong quản trị chất lượng. Hoàn tất chương trình, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức của môn học vào công việc định hướng dịch vụ và khách hàng cũng như hỗ trợ cho các nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nói chung và quản trị chất lượng nói riêng.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có thể phân tích và vận dụng kiến thức về quản trị chất lượng dịch vụ, áp dụng kiến thức này vào thực tiễn quản trị khách sạn và du lịch
- CO2: Người học có thể lựa chọn và vận dụng hiệu quả hệ thống quản trị chất lượng và công cụ quản trị chất lượng vào trong thực tiễn quản trị khách sạn du lịch.
- CO3: Người học có tác phong nhanh nhẹn, sáng tạo, có tinh thần và thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để đáp ứng tốt nhu cầu công việc.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về quản trị chất lượng dịch vụ trong kinh doanh khách sạn du lịch.
- CLO2: Người học hiểu được bản chất của dịch vụ, chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ.
- CLO3: Người học nắm rõ các nguyên tắc của quản trị chất lượng, các chức năng của quản trị chất lượng.
- CLO4: Người học có thể nhận biết và vận dụng được các phương pháp đo lường và đánh giá chất lượng dịch vụ vào thực tiễn.
- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

## 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học						Tổng giờ tín chỉ
	Lý thuyết	Thảo luận, LV nhóm	Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của giáo viên	KT – ĐG	
Tổng quan về dịch vụ và chất lượng dịch vụ	3	4		15			7
Quản trị chất lượng dịch vụ	4	4		15			8
Khách hàng và sự hài lòng khách hàng	3	4		12		*	7

Hệ thống quản lý chất lượng	4	5		15			<b>9</b>
Đo lường chất lượng dịch vụ	3	4		15		**	<b>7</b>
Đánh giá chất lượng dịch vụ	3	4	3	12			<b>10</b>
Đảm bảo và cải tiến chất lượng	3	3		12		*	<b>6</b>
Các công cụ thống kê trong kiểm soát chất lượng	4	2	3	15		*	<b>9</b>
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>30</b>	<b>6</b>	<b>90</b>			<b>63</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Tự luận	Rubric tự luận	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,5	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Thi trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên và một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Tài liệu bắt buộc**

(1) Phạm Xuân Hậu (2001), *Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch*, NXB ĐHQG, Hà Nội.

(2) Nguyễn Đình Phan và Đặng Ngọc Sự (2012), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

(1) Đỗ Thị Đông (2018), *Quản trị chất lượng*, NXB KTQD

## **VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

[1]. Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn, trường ĐH KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội (<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/dao-tao/nganh-quan-tri-khach-san/>)

[2]. Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn, Đại học Kinh tế Quốc dân ([https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/9.%20Ng%C3%A0nh%20Qu%E1%BA%A3n%20tr%E1%BB%8B%20kh%C3%A1ch%20s%E1%BA%A1n\\_CT%C4%90T%202021.pdf](https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/9.%20Ng%C3%A0nh%20Qu%E1%BA%A3n%20tr%E1%BB%8B%20kh%C3%A1ch%20s%E1%BA%A1n_CT%C4%90T%202021.pdf))

[3]. Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn, trường Đại học Thương mại (<https://tmu.edu.vn/tin-tuc/gioi-thieu-nganh-quan-tri-khach-san-he-dac-thu-16542>)

[4]. Chương trình Cử nhân Quản lý khách sạn quốc tế (International Hospitality Management), Trường Đại học Công nghệ Auckland (Newzealand) (<http://www.aut.ac.nz/>)

## **VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:**

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;



- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.



Đậu Bá Thìn